

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Sản phẩm cho vay tiêu dùng không có tài sản bảo đảm dành cho KHCN nhận lương qua tài khoản Ngân hàng

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

- Căn cứ Quyết định số 15/2023/QĐ-HĐQT ngày 02/03/2023 của Hội đồng Quản trị v/v ban hành Quy chế cơ cấu tổ chức Ngân hàng TMCP Phương Đông;
- Căn cứ Quyết định số 248.01/2023/QĐ-TGD ngày 03/04/2023 của Tổng Giám đốc v/v Phân công quản lý, điều hành tại OCB;
- Căn cứ Tờ trình số 15/2024/TT- PSPCV Tín Chấp RB ngày 12/04/2024 v/v phê duyệt “Sản phẩm cho vay tiêu dùng không có tài sản bảo đảm dành cho KHCN nhận lương qua tài khoản Ngân hàng”.

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1 Nay ban hành kèm theo Quyết định này “Sản phẩm cho vay tiêu dùng không có tài sản bảo đảm dành cho KHCN nhận lương qua tài khoản Ngân hàng” để áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống Ngân hàng TMCP Phương Đông.
- Điều 2 Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 02/05/2024 và thay thế:
- Quyết định số 285.01/2023/QĐ-TGD ngày 13/04/2023 v/v ban hành Sản phẩm cho vay tiêu dùng không có tài sản bảo đảm dành cho KHCN nhận lương qua tài khoản Ngân hàng Phương Đông.
 - Quyết định số 135/2019/QĐ-TGD ngày 16/02/2019 v/v ban hành Sản phẩm cho vay tiêu dùng không có tài sản bảo đảm dành cho KHCN nhận lương qua tài khoản ngân hàng.
 - Quyết định số 404/2022/QĐ-TGD ngày 20/6/2022 v/v Sửa đổi Sản phẩm cho vay tiêu dùng không có tài sản bảo đảm dành cho KHCN nhận lương qua tài khoản ngân hàng.
- Điều 3 Các Ông/ Bà Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Vùng/ Khu vực, Giám đốc Chi nhánh/ Phòng Giao dịch, các Trung tâm/ Phòng/ Ban nghiệp vụ liên quan và toàn thể CBNV thuộc Ngân hàng TMCP Phương Đông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận

- Như Điều 3 “để thi hành”

Sao gửi

- HĐQT, BKS “để báo cáo”

Lưu văn thư, P.SPCV Tín Chấp RB

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

(ký số)

NGUYỄN VĂN HƯƠNG

SẢN PHẨM

CHO VAY TIÊU DÙNG KHÔNG CÓ TÀI SẢN BẢO ĐẢM DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN NHẬN LƯƠNG QU TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 237.01/2024/QĐ-TGD ngày 23/4/2024

của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông)

Phê duyệt			
Mục	Biên soạn	Kiểm tra	Kiểm tra
Ngày/tháng/năm	23/4/2024	23/4/2024	23/4/2024
Chức danh	GĐ SẢN PHẨM	GIÁM ĐỐC P.SPCV TÍN CHẤP	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Chữ ký			
Họ và tên	NGÔ THỊ BÍCH PHƯƠNG	TRẦN ĐOÀN HỒNG THẠCH	NGUYỄN VĂN HƯƠNG

BẢNG KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH THAY ĐỔI

Stt	Ngày hiệu lực	Người chỉnh sửa	Nội dung thay đổi
1.	20/06/2016	Vương Thị Minh Tâm	Ban hành lần đầu
2	20/06/2022	Nguyễn Thị Kiều Loan	Gộp các sản phẩm 302/2016/QĐ-TGD, 303/2016/QĐ-TGD, 304/2016/QĐ-TGD và các văn bản chỉnh sửa , bổ sung, thay thế (nếu có) thành 1 văn bản
3	23/4/2024	Ngô Thị Bích Phượng	<ul style="list-style-type: none">- Điều chỉnh:<ul style="list-style-type: none">+ Điều kiện về công việc+ Đơn vị trả lương+ Độ tuổi+ Điều kiện vay và lịch sử trả nợ+ Nguồn thu nhập+ Thu nhập tối thiểu+ DTI+ Tỷ lệ tài trợ và Mức tài trợ tối đa

BIỂU MẪU SỬ DỤNG

Stt	Tên biểu mẫu	Ký mã hiệu
1.	Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn	Mẫu biểu 01
2.	Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nặn nợ	Mẫu biểu 02
3.	Bảng kê các loại hàng hóa mua	Mẫu biểu 03

I. TÓM TẮT

Sản phẩm này Quy định về cho vay đối với Khách hàng cá nhân (KHCN) có thu nhập từ lương nhận qua tài khoản ngân hàng không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay, và nhằm phục vụ nhu cầu mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ cho mục đích tiêu dùng của khách hàng và gia đình khách hàng.

II. MỤC ĐÍCH, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG

- **Mục đích:** Quy định đối tượng, phạm vi áp dụng, điều kiện sản phẩm, điều kiện khách hàng và các quy định liên quan đến cho vay không tài sản bảo đảm đối với KHCN nhận lương qua tài khoản ngân hàng.
- **Đối tượng áp dụng:** Tất cả các cá nhân, phòng ban, Đơn vị liên quan triển khai Sản phẩm này.

III. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT

1.	CBKD	Nhân viên/Chuyên viên quan hệ khách hàng/Giám đốc quan hệ khách hàng/Nhân viên/Chuyên viên tín dụng/Giám đốc tín dụng hoặc các chức danh tương đương.
2.	CIC	Thông tin tín dụng của KH được tra cứu từ hệ thống CIC H2H
3.	DVKH	Dịch vụ khách hàng
4.	DVTD	Dịch vụ tín dụng
5.	DTI	Tỷ lệ tổng nghĩa vụ trả nợ/ tổng thu nhập dùng để trả nợ của khách hàng vay.
6.	ĐVKD	Đơn vị kinh doanh là các Trung tâm bán lẻ.
7.	HĐLĐ	Hợp đồng lao động
8.	HĐTD	Hợp đồng tín dụng
9.	KH	Khách hàng cá nhân - không bao gồm (vợ/chồng) KH cùng ký trên Hợp đồng tín dụng với tư cách Bên vay (nếu có).
10.	KUNN	Khế ước nhận nợ
11.	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông

12.	P.SPCV TC RB	Phòng sản phẩm cho vay tín chấp – Khối bán lẻ
13.	Phòng KSTT	Phòng Kiểm soát tuân thủ
14.	P.QLRRDN	Phòng quản lý rủi ro doanh nghiệp – Khối quản lý rủi ro tín dụng
15.	TCTD	Tổ chức tín dụng
16.	TSBĐ	Tài sản bảo đảm
17.	TTBL	Trung tâm bán lẻ - Khối bán lẻ
18.	TT TTĐ&PDTD	Trung tâm tái thẩm định và phê duyệt tín dụng – Khối Quản lý tín dụng
19.	TT XLGDTD	Trung tâm xử lý giao dịch tín dụng – Khối Quản lý tín dụng
20.	Hệ thống T24	Là hệ thống phần mềm dùng để nhập liệu và quản lý dữ liệu của OCB.
21.	Hệ thống BPM	Là hệ thống phần mềm dùng để trả kết quả KH thỏa/không thỏa điều kiện vay theo chương trình này; thông tin về hạn mức thấu chi và thời hạn của hạn mức thấu chi của KH. Đồng thời, lưu trữ các thông tin này tại hệ thống.

IV. ĐIỀU KIỆN, ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

TT	Tiêu chí	Quy định sản phẩm	Ngoại lệ
1.	Đối tượng khách hàng và phạm vi áp dụng		
1.1	Đối tượng KH	<ul style="list-style-type: none"> - KH có quốc tịch Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự và năng lực pháp luật dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. - Khách hàng cá nhân (không bao gồm vợ/chồng KH (nếu có)) có nguồn thu nhập từ lương được trả qua tài khoản ngân hàng. - KH có thông tin đóng Bảo hiểm xã hội liên tục trong 06 tháng gần nhất (không bị gián đoạn bất kỳ tháng nào) và có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu 12 tháng trên VSSID (BHXH điện tử). <p>Lưu ý: Không cấp tín dụng cho KH có nghề nghiệp như: Lái xe, bảo vệ, tạp vụ, cộng tác viên...).</p>	Không

IV. ĐIỀU KIỆN, ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

TT	Tiêu chí	Quy định sản phẩm	Ngoại lệ
		<ul style="list-style-type: none"> Khách hàng là công chức, viên chức, lực lượng vũ trang hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước (NSNN) và có áp dụng hệ số ưu tiên không vay theo chính sách sản phẩm này. 	
1.2	Điều kiện về công việc	<ul style="list-style-type: none"> KH có Hợp đồng lao động không xác định thời hạn/Hợp đồng lao động có thời hạn từ 12 tháng trở lên, và Thời gian làm việc tối thiểu tại đơn vị hiện tại (không bao gồm thời gian thử việc): 06 tháng và có kinh nghiệm công tác tối thiểu 12 tháng tại tất cả các Đơn vị KH đã từng công tác. Cơ sở xác định kinh nghiệm căn cứ vào HĐLĐ/Quyết định bổ nhiệm/Nâng bậc, nâng lương hoặc các chứng từ khác thể hiện được thời gian làm việc của KH. <p>Lưu ý: Kinh nghiệm làm việc thể hiện bằng thời gian KH công tác. ĐVKD chịu trách nhiệm xác minh tính hợp lý dựa trên độ tuổi, mức lương, chức vụ và xác thực về nội dung kinh nghiệm trên tờ trình, đồng thời yêu cầu KH cung cấp thêm chứng từ thể hiện được thời gian làm việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> Thời hạn còn lại của HĐLĐ có thời hạn: yêu cầu thời hạn còn lại của HĐLĐ tối thiểu 01 tháng. Trước giải ngân: cung cấp xác nhận gia hạn HĐLĐ hoặc phụ lục HĐLĐ có nội dung quy định thời hạn HĐLĐ từ 12 tháng trở lên, hoặc chuyển/thay đổi từ HĐLĐ có thời hạn thành HĐLĐ không xác định thời hạn. 	Không
1.3	Đơn vị trả lương	<p>Giao Khối Bán lẻ ban hành hướng dẫn quy trình nội bộ về việc đánh giá, chấp thuận, kiểm soát danh sách Đơn vị trả lương đủ điều kiện.</p> <p>Chia thành 03 nhóm. Thỏa mãn điều kiện chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Không hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề bị cấm theo quy định của OCB. Thông tin trên internet: không có thông tin xấu (phá sản, vi phạm pháp luật, đang bị kiện tụng...); và: <p>1. Nhóm A: Doanh nghiệp lớn:</p> <ul style="list-style-type: none"> Niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM, HN; VNR500; 	Không

IV. ĐIỀU KIỆN, ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

TT	Tiêu chí	Quy định sản phẩm	Ngoại lệ
		<ul style="list-style-type: none"> - Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất VN; - Top 500 DN lợi nhuận nhất VN; - Top 1000 DN nộp thuế cao nhất VN. <p>2. Nhóm B:</p> <p>2.1 Công ty đa quốc gia:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty mẹ nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam. - Công ty mẹ nằm trong danh sách công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại quốc gia công ty mẹ có trụ sở hoạt động. - Có ít nhất 01 chi nhánh hoạt động tại quốc gia khác ngoài Việt Nam và ngoài quốc gia công ty mẹ có trụ sở hoạt động. - Đơn vị trả lương là công ty con cấp 1 của công ty mẹ - CIC của đơn vị trả lương: hiện không có nợ quá hạn, không có nợ nhóm 3 trở lên trong vòng 36 tháng gần nhất và không có nợ bán VAMC và nợ đã được XLRR tại OCB và các TCTD khác tính đến thời điểm cấp tín dụng. <p>2.2 Doanh nghiệp lớn trong nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động tối thiểu 05 năm - Doanh thu năm gần nhất từ 100 tỷ đồng trở lên. - Có ít nhất 100 nhân viên - Vốn điều lệ đăng ký theo Đăng ký kinh doanh từ 20 tỷ trở lên. - CIC của đơn vị trả lương: hiện không có nợ quá hạn, không có nợ nhóm 3 trở lên trong vòng 36 tháng gần nhất và không có nợ bán VAMC và nợ đã được XLRR tại OCB và các TCTD khác tính đến thời điểm cấp tín dụng. <p>2.3 Đại sứ quan, lãnh sự quán.</p> <p>2.4 Doanh nghiệp nhà nước (100% vốn nhà nước)</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% vốn nhà nước. Tra cứu danh sách tại https://business.gov.vn/doanh-nghiep-nha-nuoc/danh-sach - Hoạt động tối thiểu 10 năm - CIC của đơn vị trả lương: hiện không có nợ quá hạn, không có nợ nhóm 3 trở lên trong vòng 36 tháng gần nhất và không 	

IV. ĐIỀU KIỆN, ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

TT	Tiêu chí	Quy định sản phẩm	Ngoại lệ
		<p>có nợ bán VAMC và nợ đã được XLRR tại OCB và các TCTD khác tính đến thời điểm cấp tín dụng.</p> <p>2.5 Bệnh viện, trường học, đại học thuộc khối nhà nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% vốn nhà nước - Hoạt động tối thiểu 10 năm - CIC của đơn vị trả lương: hiện không có nợ quá hạn, không có nợ nhóm 3 trở lên trong vòng 36 tháng gần nhất và không có nợ bán VAMC và nợ đã được XLRR tại OCB và các TCTD khác tính đến thời điểm cấp tín dụng. <p>2.6 Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vốn điều lệ đăng ký từ 30 tỷ đồng trở lên - Lợi nhuận thuần sau thuế (NPAT – net profit after tax) trong 2 năm gần nhất: có lời. - Doanh thu năm gần nhất: từ 200 tỷ đồng trở lên. - CIC của đơn vị trả lương: hiện không có nợ quá hạn, không có nợ nhóm 3 trở lên trong vòng 36 tháng gần nhất và không có nợ bán VAMC và nợ đã được XLRR tại OCB và các TCTD khác tính đến thời điểm cấp tín dụng. <p>3. Nhóm C: Khác</p> <p>3.1 Văn phòng đại diện tổ chức nước ngoài tại Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động tối thiểu 02 năm. - Là văn phòng đại diện tổ chức nước ngoài tại Việt Nam. - CIC của đơn vị trả lương: hiện không có nợ quá hạn, không có nợ nhóm 3 trở lên trong vòng 36 tháng gần nhất và không có nợ bán VAMC và nợ đã được XLRR tại OCB và các TCTD khác tính đến thời điểm cấp tín dụng. <p>3.2 Doanh nghiệp có quan hệ tín dụng với OCB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xếp hạng tín dụng C2 trở lên; - Có lợi nhuận 1 năm gần nhất tới thời điểm trình cấp phê duyệt; - Không có nợ nhóm 2 trong vòng 12 tháng gần nhất tới thời điểm trình cấp phê duyệt. 	

IV. ĐIỀU KIỆN, ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

TT	Tiêu chí	Quy định sản phẩm	Ngoại lệ
		<ul style="list-style-type: none"> Công ty có quan hệ với OCB thuộc Khối Khách hàng doanh nghiệp quản lý, đồng thời có mã khách hàng được ghi nhận trên hệ thống nội bộ của OCB. Hoạt động tối thiểu 02 năm. Vốn điều lệ đăng ký từ 02 tỷ đồng trở lên CIC của đơn vị trả lương: hiện không có nợ quá hạn, không có nợ nhóm 3 trở lên trong vòng 36 tháng gần nhất và không có nợ bán VAMC và nợ đã được XLRR tại OCB và các TCTD khác tính đến thời điểm cấp tín dụng. P.SPCV Tín chấp đánh giá hàng năm đảm bảo Doanh nghiệp có quan hệ tín dụng với OCB đang không có phát sinh nợ quá hạn tại OCB. <p>3.3 Tổ chức hành chính, sự nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> Đơn vị hành chính sự nghiệp. Cơ quan nhà nước: Tổ chức chính trị xã hội, lực lượng vũ trang, đơn vị kinh tế thuộc cơ quan nhà nước khác 	
1.4	Phạm vi áp dụng	<ul style="list-style-type: none"> Tất cả các Trung tâm bán lẻ của Khối Bán lẻ. 	Không
2.	Điều kiện Khách hàng		
2.1	Độ tuổi	<ul style="list-style-type: none"> Từ 22 tuổi trở lên tại thời điểm đề xuất cấp tín dụng và không quá 60 tuổi tại thời điểm kết thúc khoản vay đối với nam hoặc 55 tuổi đối với nữ, hoặc theo quy định về tuổi về hưu theo quy định của Pháp luật theo từng thời kỳ. 	Không
2.2	Nơi cư trú	<ul style="list-style-type: none"> KH có địa chỉ thường trú tại các tỉnh/thành phố trên lãnh thổ Việt Nam; và KH có nơi cư trú hiện tại và nơi phát sinh phương án vay vốn thuộc địa bàn như sau: <ul style="list-style-type: none"> Thuộc cùng Tỉnh/ Thành phố nơi ĐVKD cho vay trú đóng: không giới hạn khoảng cách đến ĐVKD cho vay; hoặc Thuộc các Tỉnh/ Thành phố trực thuộc Trung ương giáp ranh đường bộ với Tỉnh/ Thành phố trực thuộc Trung ương nơi đóng trụ sở của ĐVKD cho vay: cách ĐVKD cho vay 	Không

Lưu hành nội bộ

IV. ĐIỀU KIỆN, ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

TT	Tiêu chí	Quy định sản phẩm	Ngoại lệ
		trong vòng bán kính 70 km đối với khu vực TP.HCM/ Hà Nội và 50 km đối với các khu vực còn lại.	
2.3	Xếp hạng tín dụng (XHTD)	<ul style="list-style-type: none"> - OCB chỉ thực hiện cấp tín dụng cho các KH xếp hạng từ 1 đến 7. - ĐVKD thực hiện xếp hạng tín dụng theo Quyết định số 619/2022/QĐ-TGD v/v Quy định sử dụng công cụ xếp hạng tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Link thực hiện xếp hạng tín dụng: https://xhtd.ocb.com.vn/Home. 	Không
2.4	Điều kiện vay và lịch sử trả nợ	<ul style="list-style-type: none"> - Không có nợ quá hạn tại OCB ở thời điểm phê duyệt khoản vay (căn cứ theo sao kê các khoản vay của KH tại OCB và nợ quá hạn được xét là nợ trễ hạn thanh toán từ 1 ngày trở lên); và - Không có nợ Nhóm 02 tại OCB và các TCTD khác trong vòng 12 tháng gần nhất; và - Không phát sinh nợ từ Nhóm 03 trở lên tại OCB và các TCTD khác trong vòng 36 tháng gần nhất; và - Không có nợ bán VAMC, không có nợ xử lý rủi ro tín dụng tính đến thời điểm thẩm định khoản vay. - Trường hợp số tiền quá hạn(*) tại OCB từ 5.000.0000 (năm triệu) đồng trở xuống và/ hoặc số tiền quá hạn(*) tại các TCTD khác từ 2.000.000 (hai triệu) đồng trở xuống (theo Văn bản xác nhận của TCTD số tiền quá hạn thực tế của KH): chấp nhận KH đã từng phát sinh nợ Nhóm 02 tại OCB và các TCTD khác trong vòng 12 tháng gần nhất hoặc nợ Nhóm 03 trở lên tại OCB và các TCTD khác trong vòng 36 tháng gần nhất với điều kiện số lần phát sinh quá hạn tối đa 1 lần và khách hàng đã hoàn tất thanh toán hết các khoản quá hạn (OCB: đơn vị vận hành tự tra cứu trên hệ thống nội bộ, TCTD khác: căn cứ Văn bản xác nhận của TCTD). <p>(*) Số tiền quá hạn không phải là dư nợ, được xét là số tiền đến hạn thanh toán nhưng KH chưa thanh toán.</p>	Không

IV. ĐIỀU KIỆN, ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

TT	Tiêu chí	Quy định sản phẩm	Ngoại lệ
		Lưu ý: Thực hiện theo Quyết định 831.01/2023/QĐ-TGD ngày 28/08/2023 v/v ban hành Hướng dẫn nguyên tắc sử dụng CIC khi cấp tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).	
2.5	Nguồn thu nhập	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn thu nhập từ lương trả qua tài khoản Ngân hàng Phương Đông (OCB) hoặc tài khoản ngân hàng khác. Không chấp nhận các nguồn thu nhập khác. - Không nộp sao kê tài khoản: chấp nhận thu nhập thể hiện trên VSSID, trung bình 6 tháng liên tục gần nhất và được TT. TTĐ&PDTD chấp thuận. - ĐVKD thẩm định chứng từ nguồn thu từ lương theo Quyết định 734/2022/QĐ-TGD ngày 27/10/2022 v/v ban hành Hướng dẫn xác định nguồn thu nhập trả nợ của KHCN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). 	Không
2.6	Thu nhập tối thiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Thu nhập trung bình 06 tháng liên tục gần nhất thể hiện qua sao kê tài khoản hoặc VSSID (Bảo hiểm xã hội điện tử): <ul style="list-style-type: none"> + 10 triệu đồng/tháng tại Hà Nội/TP.HCM + 08 triệu đồng/tháng tại các Tỉnh/TP khác Lưu ý: căn cứ theo địa điểm làm việc của KH để tính thu nhập tối thiểu	Không
2.7	DTI	<ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng chưa từng có quan hệ tín dụng (vay, thẻ tín dụng) (theo CIC): tối đa 65%. - Đã có quan hệ tín dụng (vay, thẻ tín dụng): <ul style="list-style-type: none"> + Khách hàng có thu nhập thuần (net) trung bình tối thiểu < 50 triệu/ tháng: tối đa 70% + Khách hàng có thu nhập thuần (net) trung bình tối thiểu từ 50 triệu/ tháng trở lên và có cam kết trả lương từ kỳ trả lương kế tiếp của Đơn vị trả lương về OCB: tối đa 75% + Các trường hợp khác: tối đa 65% - Xem xét DTI cho khoản vay lần này tính trên tổng thu nhập chứng minh được và tổng nghĩa vụ phải trả của KH và đảm bảo chi chí sinh hoạt tối thiểu 4,4 triệu đồng/tháng 	Không

IV. ĐIỀU KIỆN, ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

TT	Tiêu chí	Quy định sản phẩm	Ngoại lệ
		<ul style="list-style-type: none"> - DTI được cộng thêm 5% trường hợp khách hàng có xác nhận của Đơn vị trả lương cam kết trả lương vào tài khoản của KH mở tại OCB. - Cách xác định tổng thu nhập hàng tháng để tính DTI như sau: chỉ tính thu nhập từ lương qua tài khoản ngân hàng. Trường hợp lương khác nhau giữa các tháng, thì lấy mức thấp nhất là mức cơ sở tính DTI. - Hướng dẫn tính DTI thực hiện theo Quyết định 734/2022/QĐ-TGD ngày 27/10/2022 v/v ban hành Hướng dẫn xác định nguồn thu nhập trả nợ của KHCN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). 	
3.	Điều kiện khoản vay		
3.1	Mục đích sử dụng vốn vay	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu dùng, phục vụ nhu cầu đời sống của KH và/hoặc vợ/chồng/con KH phù hợp với quy định pháp luật. - Thanh toán phí bảo hiểm tín dụng. 	Không
3.2	Tỷ lệ tài trợ/phương án sử dụng vốn	<ul style="list-style-type: none"> - Tối đa 100% tổng nhu cầu vốn theo phương án của KH. 	Không
3.3	Loại tiền	<ul style="list-style-type: none"> - VND 	Không
3.4	Mức tài trợ tối đa	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 10 triệu đồng, - Tối đa: <ul style="list-style-type: none"> + Khách hàng chưa từng có quan hệ tín dụng: 10 lần thu nhập trung bình 06 tháng gần nhất. + Đã có quan hệ tín dụng (vay, thẻ tín dụng): 15 lần thu nhập trung bình 06 tháng gần nhất. + Khách hàng có thu nhập thuần (net) trung bình tối thiểu từ 50 triệu trở lên và có văn bản cam kết trả lương của Đơn vị trả lương về OCB: 20 lần. Khối Bán lẻ kiểm soát tỷ lệ phê duyệt cho nhóm khách hàng có hạn mức > 15 lần và 	Không

IV. ĐIỀU KIỆN, ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

TT	Tiêu chí	Quy định sản phẩm	Ngoại lệ
		<p>≤ 20 lần này không vượt quá 30% trên tổng giá trị phê duyệt cho toàn bộ sản phẩm này.</p> <ul style="list-style-type: none"> Tổng hạn mức rủi ro tín chấp của KH (bao gồm khoản vay tín chấp hiện tại và khoản vay tín chấp đề xuất) tất cả sản phẩm tín chấp tại OCB: 1,5 tỷ đồng. 	
3.5	Thời hạn cho vay	<ul style="list-style-type: none"> Tối thiểu 12 tháng, tối đa 60 tháng. 	Không
3.6	Phương thức cho vay	<ul style="list-style-type: none"> Cho vay từng lần 	Không
3.7	Lãi suất, phí	<ul style="list-style-type: none"> Lãi suất, phí trả nợ trước hạn áp dụng và thẩm quyền giảm lãi suất: theo quy định của OCB ban hành từng thời kỳ. Lãi quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian quá hạn. Lãi chậm trả: 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 	Theo thẩm quyền miễn giảm lãi, phí trong từng thời kỳ
3.8	Phương thức giải ngân	<ul style="list-style-type: none"> Giải ngân tiền mặt hoặc chuyển khoản theo Quyết định 449/2019/QĐ-TGD v/v ban hành quy định về phương thức giải ngân tại OCB và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). 	Không
3.9	Phương thức trả nợ	<ul style="list-style-type: none"> KH có thể lựa 1 trong 2 phương thức trả nợ sau: <ul style="list-style-type: none"> Gốc trả đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng theo dư nợ giảm dần; Niên kim đều: gốc cộng lãi trả đều hàng tháng, trong đó lãi tính trên dư nợ giảm dần. Đây còn gọi là EMI (Equal Monthly Instalment). <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày trả nợ được xác định là ngày trả lương gần nhất của khách hàng được xác định dựa trên sao kê được khách hàng 	Không

IV. ĐIỀU KIỆN, ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

TT	Tiêu chí	Quy định sản phẩm	Ngoại lệ
		cung cấp hoặc theo Quyết định của Giám Đốc Khối Bán lẻ ban hành trong từng thời kỳ.	
3.10	Tài sản bảo đảm	- Không có tài sản bảo đảm.	Không
3.11	Bảo hiểm bảo an tín dụng (không bắt buộc)	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp KH tham gia bảo hiểm để đảm bảo rủi ro cho khoản vay của KH tại OCB (thông tin bên thụ hưởng là OCB). Việc KH có hay không mua bảo hiểm này không phải là điều kiện để xem xét, quyết định việc cho vay, giải ngân. - Trường hợp KH không tham gia bảo hiểm: để đảm bảo rủi ro có thể phát sinh thì được áp dụng mức lãi suất cao hơn cộng (+) 3%/ năm. 	Không
3.12	Điều kiện khác	<ul style="list-style-type: none"> - KH phát sinh dư nợ không có TSBĐ (không bao gồm thẻ tín dụng) tại tối đa 03 TCTD/ Công ty tài chính khác (bao gồm OCB) và có không quá 03 thẻ tín dụng (căn cứ thông qua hệ thống CIC)¹. Tổng ngưỡng rủi ro tín dụng không TSBĐ của KH tại OCB và các TCTD khác bao gồm khoản vay lần này không vượt quá 1,5 tỷ đồng. - Lưu ý: Trường hợp KH phát sinh dư nợ không có TSBĐ và có số lượng thẻ tín dụng lớn hơn quy định trên và đồng ý tất toán trước khi giải ngân tại OCB, Trưởng đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra các chứng từ chứng minh KH đã tất toán khoản vay/ thẻ tín dụng trước khi giải ngân. 	Không
4.	Thẩm quyền phê duyệt tín dụng		
4.1	Thẩm quyền phê duyệt	- Mức phán quyết và thẩm quyền phê duyệt tín dụng theo Sản phẩm cụ thể cho cá nhân phê duyệt tại Khối QLTD và ĐVKD theo Quyết định 825.01/2023/QĐ-TGD v/v ban hành Quy định khung phân cấp mức phán quyết và thẩm quyền phê duyệt tín	Không

¹ KH có dư nợ tại Công ty tài chính vẫn áp dụng theo chỉ thị số: 173.01/2023/CT-TGD ngày 14/03/2023 v/v xem xét khi cấp tín dụng đối với KHCN vay vốn tại Công ty tài chính

IV. ĐIỀU KIỆN, ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

TT	Tiêu chí	Quy định sản phẩm	Ngoại lệ		
		dụng tại OCB và các văn bản sửa đổi, bổ dung, thay thế (nếu có).			
5.	Quản lý cấp tín dụng				
5.1	Theo dõi sau giải ngân của Phòng Kiểm soát tuân thủ	<ul style="list-style-type: none">Thực hiện kiểm soát sau vay theo Phụ lục D2 – Quy trình giám sát thực hiện các điều kiện phê duyệt sau khi cấp tín dụng được ban hành kèm theo Quyết định số 592/2020/QĐ-TGD và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).	Không		
5.2	Theo dõi sau giải ngân của ĐVKD	<ul style="list-style-type: none">ĐVKD thực hiện kiểm soát sau vay theo Quyết định số 828.01/QĐ-TGD và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).Trong suốt quá trình cho vay, ĐVKD có trách nhiệm theo dõi tính hình trả nợ và tình hình tài chính của KH. ĐVKD có trách nhiệm theo dõi, giám sát khoản vay của KH. Trường hợp phát sinh nợ quá hạn, yêu cầu KH hoàn tất thủ tục theo quy định OCB và Ngân hàng Nhà nước hoặc thu hồi nợ trước hạn.	Không		
5.3	Phương án thu hồi nợ	<ul style="list-style-type: none">Thực hiện theo Quyết định 36/2022/QĐ-TGD v/v Quy định xử lý nợ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).	Không		
6.	Mã sản phẩm trên T24				
6.1	Hướng dẫn nhập liệu	Mã sản phẩm	Mã sản phẩm phụ (Loan_Subproduct)	CU_CUST_GROUP	Mã mục đích vay
		21052 – Cho vay sinh hoạt tiêu dùng	312 – Cho vay tín chấp CBNV	OCB non payroll (KH nhận lương qua tài khoản ngân hàng khác)	114 : Cho vay xây dựng, cải tạo nhà ở 115 : Cho vay mua quyền sử dụng đất để ở
				OCB payroll (KH nhận lương qua tài khoản ngân hàng OCB)	202 : Cho vay để mua sắm phương tiện đi lại

IV. ĐIỀU KIỆN, ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

TT	Tiêu chí	Quy định sản phẩm	Ngoại lệ
		<div> <div></div> <div></div> <div></div> </div> <p>204 : Cho vay đáp ứng nhu cầu học tập, khám chữa bệnh</p> <p>205 : Cho vay mua sắm trang thiết bị nội thất gia đình</p> <p>206 : Cho vay CBNV tiêu dùng</p> <p>209: Cho vay, cho thuê tài chính với các nhu cầu khác để phục vụ đời sống</p> <p>Lưu ý: Bắt buộc nhập liệu đầy đủ thông tin Tên và mã đơn vị hợp tác (OCB_Product_Partner)</p>	
7.	Ngưỡng quản lý rủi ro của Chương trình		
7.1	Ngưỡng kiểm soát nợ nhóm 2 và nợ xấu	<p><u>Đối với KH nhận lương qua tài khoản ngân hàng OCB:</u></p> <p>a. Dựa trên thông tin khoản vay tại OCB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngưỡng cảnh báo rủi ro của SP (chưa bao gồm thông tin nhóm nợ theo CIC) <ul style="list-style-type: none"> + Tỷ lệ nợ nhóm 2: 2% + Tỷ lệ nợ xấu: 3,5% - Ngưỡng kiểm soát rủi ro của SP (chưa bao gồm thông tin nhóm nợ theo CIC) <ul style="list-style-type: none"> + Tỷ lệ nợ nhóm 2: 2,5% + Tỷ lệ nợ xấu: 4% <p>b. Dựa trên thông tin CIC, bao gồm thông tin khoản vay tại tất cả các TCTD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngưỡng cảnh báo rủi ro của SP (bao gồm thông tin nhóm nợ theo CIC) <ul style="list-style-type: none"> + Tỷ lệ nợ nhóm 2: 3% + Tỷ lệ nợ xấu: 5% - Ngưỡng kiểm soát rủi ro của SP (chưa bao gồm thông tin nhóm nợ theo CIC) <ul style="list-style-type: none"> + Tỷ lệ nợ nhóm 2: 3,5% 	

Lưu hành nội bộ

IV. ĐIỀU KIỆN, ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

TT	Tiêu chí	Quy định sản phẩm	Ngoại lệ
		<p>+ Tỷ lệ nợ xấu: 5,5%</p> <p>P.SPCV sẽ kiểm soát ngưỡng rủi ro của sản phẩm theo cả 2 nhóm: nợ quản trị có CIC và nợ quản trị không có CIC.</p> <p><u>Đối với KH nhận lương qua tài khoản ngân hàng khác:</u></p> <p>a. Dựa trên thông tin khoản vay tại OCB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngưỡng cảnh báo rủi ro của SP (chưa bao gồm thông tin nhóm nợ theo CIC) <ul style="list-style-type: none"> + Tỷ lệ nợ nhóm 2: 2% + Tỷ lệ nợ xấu: 3,5% - Ngưỡng kiểm soát rủi ro của SP (chưa bao gồm thông tin nhóm nợ theo CIC) <ul style="list-style-type: none"> + Tỷ lệ nợ nhóm 2: 2,5% + Tỷ lệ nợ xấu: 4% <p>b. Dựa trên thông tin CIC, bao gồm thông tin khoản vay tại tất cả các TCTD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngưỡng cảnh báo rủi ro của SP (bao gồm thông tin nhóm nợ theo CIC) <ul style="list-style-type: none"> + Tỷ lệ nợ nhóm 2: 3% + Tỷ lệ nợ xấu: 5% - Ngưỡng kiểm soát rủi ro của SP (chưa bao gồm thông tin nhóm nợ theo CIC) <ul style="list-style-type: none"> + Tỷ lệ nợ nhóm 2: 3,5% + Tỷ lệ nợ xấu: 5,5% <p>P.SPCV sẽ kiểm soát ngưỡng rủi ro của sản phẩm theo cả 2 nhóm: nợ quản trị có CIC và nợ quản trị không có CIC.</p>	
7.2	Biện pháp kiểm soát, xử lý rủi ro	<ul style="list-style-type: none"> - Cảnh báo sớm: Sau 3 tháng triển khai, Phòng SPCV tin chấp rà soát các khoản vay MOB3+ và/ hoặc MOB6+ theo từng ĐVKD của từng Khu vực và quyết định ĐVKD có được tiếp tục bán hay không dựa trên tỷ lệ nợ quá hạn 30+ từ 1,5% trở lên. Giao GDK Bán lẻ quy định các tỷ lệ kiểm soát theo định hướng kinh doanh. - Áp dụng theo Quyết định 158.01/2023/QĐ-TGD v/v ban hành Quy định kiểm soát ngưỡng rủi ro đối với sản phẩm và chương trình tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). 	

IV. ĐIỀU KIỆN, ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

TT	Tiêu chí	Quy định sản phẩm	Ngoại lệ
8. Quy trình, phụ lục liên quan			
8.1	Danh mục hồ sơ tín dụng và hồ sơ giải ngân	Phụ lục 01	
8.2	Quy trình cho vay	Phụ lục 02	
8.3	Tiêu chí thẩm định và phê duyệt tín dụng	Phụ lục 03	
8.4	Tiêu chí giám sát tín dụng	Phụ lục 04	
9. Tổ chức thực hiện			
9.1	P.SPCV Tín chấp – Khối RB	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra thông tin Doanh nghiệp do ĐVKD đề xuất, cập nhật danh sách các doanh nghiệp thỏa điều kiện theo sản phẩm này trình Phòng PTSP Cho vay tín chấp/ Giám đốc Khối RB (hoặc người được ủy quyền) phê duyệt. Triển khai công tác bán hàng đến các TTBL và theo dõi kết quả bán hàng trên toàn hệ thống. Đầu mối xây dựng và điều chỉnh quy định, quy trình sản phẩm phù hợp với định hướng hoạt động của OCB. Tổng hợp kiến nghị và đề xuất của các ĐVKD, nghiên cứu hoàn thiện sản phẩm, nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ. Hỗ trợ giải đáp thắc mắc của ĐVKD về sản phẩm. Theo dõi thường xuyên chính sách của Ngân hàng Nhà nước để kịp thời điều chỉnh sản phẩm phù hợp với quy định. Rà soát tính phù hợp, đánh giá hiệu quả, chất lượng tín dụng sản phẩm và đề xuất sửa đổi, điều chỉnh phù hợp (nếu có) trình Hội đồng xét duyệt sản phẩm xem xét, quyết định dừng sản phẩm. Kiểm soát tổng hạn mức rủi ro theo sản phẩm, đảm bảo không vượt hạn mức rủi ro cho phép. 	
9.2	Phòng Pháp Chế	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra tính tuân thủ pháp lý của sản phẩm. Hỗ trợ tư vấn các mẫu biểu liên quan trong sản phẩm để sử dụng trong toàn hệ thống. 	

Lưu hành nội bộ

IV. ĐIỀU KIỆN, ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

TT	Tiêu chí	Quy định sản phẩm	Ngoại lệ
9.3	TT. XLGDTD	<ul style="list-style-type: none"> Hạch toán/kiểm soát/phê duyệt khoản vay trên T24 theo phân quyền tại Thông báo số 30/2018/QĐ-TGD Quyết định điều chuyển tạm thời 1 số chức năng kiểm soát và giao dịch tín dụng trên Corebanking và các quyết định sửa đổi/bổ sung/thay thế (nếu có). Kiểm tra tính đầy đủ, phù hợp của hồ sơ do ĐVKD cung cấp dựa trên danh mục cung cấp cho TT.XLGDTD theo Phụ lục 01 đính kèm. Đối chiếu thông tin giữa hồ sơ đã ký kết với hồ sơ pháp lý do ĐVKD cung cấp do ĐVKD cung cấp tại bước kiểm soát giải ngân. TT. XLGDTD thực hiện kiểm tra đối chiếu thông tin nhập liệu trên hệ thống T24 đảm bảo phù hợp với nội dung thể hiện trên Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ do ĐVKD cung cấp. 	
9.4	TT. TTĐ&PDTD	<ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt các khoản vay theo quy định sản phẩm và quy định phê duyệt tín dụng của OCB. 100% hồ sơ vay phải được thẩm định điện thoại văn phòng đơn vị trả lương (điện thoại cố định hoặc di động) phải được kiểm tra, đối chiếu với số điện thoại được công bố trên trang tin điện tử (website) của đơn vị trả lương; hoặc theo ghi nhận, cơ sở dữ liệu nội bộ được lưu giữ bởi TT. TTĐ & PDTD thu thập được trong các lần thẩm định và phê duyệt trước đây. <ul style="list-style-type: none"> Trường hợp phát hiện ra bất kỳ sai lệch nào liên quan tới điện thoại văn phòng của đơn vị trả lương mà không có chứng từ cung cấp bổ sung hợp lý, hồ sơ vay sẽ bị từ chối. Trường hợp KH đang công tác tại các Cơ quan đặc thù như: Công an, Quân đội nếu TT. TTĐ & PDTD không thể liên hệ được văn phòng của đơn vị trả lương hồ sơ vay sẽ bị từ chối. Các hồ sơ bị từ chối vì lý do không liên hệ được đơn vị trả lương qua điện thoại chỉ được nộp lại sau 1 tháng kể từ ngày từ chối hồ sơ trên hệ thống. Trường hợp không liên lạc được KH thì TT.TTĐ & PDTD sẽ thực hiện gọi lại 3 lần mỗi lần cách nhau 60 phút. Nếu vẫn không liên hệ được KH thì hồ sơ vay sẽ được trả về cho ĐVKD. 	

IV. ĐIỀU KIỆN, ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

TT	Tiêu chí	Quy định sản phẩm	Ngoại lệ
		<ul style="list-style-type: none"> - Lưu ý trường hợp được miễn thẩm định điện thoại văn phòng đơn vị trả lương: <ul style="list-style-type: none"> + KH có thể chứng minh bằng cách cung cấp thông tin bằng email doanh nghiệp nơi KH đang công tác. ĐVKD và TT, TTĐ & PDTĐ chịu trách nhiệm kiểm tra tên miền (domain) đảm bảo tên chủ thể đăng ký sử dụng tên miền trùng khớp với tên đơn vị nơi KH đang công tác và có ngày đăng ký sử dụng, ngày hết hạn sử dụng. Chỉ chấp nhận thông tin được tra cứu trên trang https://tracuutenmien.gov.vn/ - Đề xuất sửa đổi sản phẩm, danh mục hồ sơ (nếu có) để cải thiện chất lượng tín dụng. 	
9.5	TTBL	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thị, giới thiệu và trực tiếp triển khai cung cấp sản phẩm cho KH. - Thẩm định và xác thực KH, nhu cầu vay và khả năng tài chính của KH. - Chịu trách nhiệm thẩm định, đảm bảo tính chính xác đối với toàn bộ các chứng từ và thông tin cung cấp cho TT TTĐ&PDTĐ, TT XLGDTD. - Có trách nhiệm theo dõi tình hình trả nợ gốc và lãi của KH, trường hợp xảy ra quá hạn, ĐVKD có trách nhiệm nhắc nhở, đôn đốc KH thanh toán. - Phối hợp với Trung tâm xử lý nợ cung cấp thông tin/tài liệu liên quan đến hồ sơ vay khi có yêu cầu. - Đảm bảo thông tin sản phẩm được nhập liệu trên hệ thống T24 đúng quy định sản phẩm. - Kiểm soát viên DVTD/GĐ TTBL hoặc các chức danh tương đương tại khác tại TTBL chịu trách nhiệm kiểm tra việc thu phí bảo hiểm tín dụng bảo an trước khi giải ngân - CBKD, DVKH và kiểm soát viên DVKH tại ĐVKD chịu trách nhiệm thu phí tín dụng bảo an trước giải ngân - Thu thập ý kiến phản hồi từ KH và góp ý kiến cho P.SPCV TC - RB hoàn thiện sản phẩm. 	

IV. ĐIỀU KIỆN, ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

TT	Tiêu chí	Quy định sản phẩm	Ngoại lệ
9.6	Phòng QLRRTD	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với P.SPCV Tín chấp – Khối Bán lẻ đánh giá chất lượng tín dụng sản phẩm và thực hiện các nội dung công việc theo chức năng nhiệm vụ theo quy định từng thời kỳ 	
9.7	Phòng QLKD – Khối RB	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai công tác bán hàng đến các TTBL và theo dõi kết quả bán hàng trên toàn hệ thống. - Định kỳ 03 tháng/lần sẽ tiến hành đánh giá chất lượng tín dụng của sản phẩm đối với ĐVKD, Khu vực. - Lập báo cáo đánh giá chất lượng tuân thủ ngưỡng rủi ro của sản phẩm đối với từng ĐVKD, thông báo, đôn đốc ĐVKD tuân thủ quy định sản phẩm, lập báo cáo theo dõi room tín dụng, ngưỡng rủi ro và đánh giá chất lượng triển khai sản phẩm toàn khối RB trình GĐK RB phê duyệt thông qua. 	
9.8	Phòng thu hồi nợ	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo Quyết định 36/2022/QĐ-TGD v/v Quy định xử lý nợ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). 	
9.9	DVTD	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo Quyết định 703/2018/QĐ-TGD v/v phân định trách nhiệm giữa các phòng ban tham gia vào quy trình cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông. 	

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC HỒ SƠ THU THẬP TỪ KH & CUNG CẤP CHO CÁC PHÒNG/BỘ PHẬN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 237.01/2024/QĐ-TGD ngày 23/4/2024 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông)

Quy định & nguyên tắc chung về hồ sơ tín dụng:

- ĐVKD chịu trách nhiệm trong việc phỏng vấn KH, thẩm định thực tế nguồn thu nhập của KH và thu thập hồ sơ chứng minh để đảm bảo tính phù hợp và nguồn thu nhập của KH để khả năng trả nợ cho khoản vay.
- Quy định về chứng từ cung cấp:
 - o "Bản chính" là những giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp lần đầu, cấp lại, cấp khi đăng ký lại; những giấy tờ, văn bản do cá nhân, tổ chức lập có ký sống và đóng dấu (nếu có), khi cung cấp cho các bộ phận liên quan được hiểu là bản scan màu/chụp hình từ "Bản chính". ĐVKD lưu trữ bản chính cùng hồ sơ tín dụng.
 - o "Bản sao y chứng thực" là bản sao đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định pháp luật chứng thực bản sao là đúng với bản chính, khi cung cấp cho các bộ phận liên quan được hiểu là bản scan màu/chụp hình từ "Bản sao y chứng thực". Thời hạn chứng thực tối đa 06 tháng kể từ thời điểm chứng thực bản chính đến thời điểm cung cấp hồ sơ cho TT TTD&PDTD.
 - o "Bản sao" là bản ghi chép, thể hiện một cách nguyên văn, đầy đủ, chính xác nội dung và thể thức trình bày của bản chính, khi cung cấp cho các bộ phận liên quan là bản scan màu/đen trắng có ký đối chiếu so sánh "Bản chính" của ĐVKD (CBKD/Trưởng ĐVKD/người được phân công đại diện ĐVKD ký, ghi rõ họ tên và viết tay xác nhận "đã đối chiếu bản chính"). Đối với hồ sơ từ 2 trang trở lên thì ký, ghi rõ họ tên xác nhận đối chiếu Bản chính trên tờ đầu tiên, các tờ còn lại chỉ ký xác nhận/Ký giáp lai, đối với trang đầu và trang cuối ký ghi rõ họ tên xác nhận ở trang đầu.
 - o Nếu ĐVKD cung cấp bản scan màu từ "bản chính" hoặc ảnh chụp trực tiếp từ "bản chính" thì không yêu cầu ký đối chiếu so sánh "Bản chính" khi cung cấp cho các phòng/ bộ phận nội bộ OCB. Tuy nhiên, ĐVKD vẫn phải chịu trách nhiệm về tính xác thực về hình ảnh hoặc bản scan này.

Lưu hành nội bộ

- ĐVKD lưu trữ hồ sơ tín dụng theo Phụ lục 03 được ban hành theo Quyết định 592/2020/QĐ-TGD v/v ban hành Quy định nghiệp vụ tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).
- Ngoài các chứng từ được quy định theo Sản phẩm, các bộ phận liên quan không được yêu cầu chứng từ ngoài quy định, ngoại trừ trường hợp cần làm rõ hồ sơ.
- Chứng từ và cấp thẩm quyền phê duyệt ngoại lệ hồ sơ/chứng từ (nợ, thay thế, miễn thu thập hồ sơ/chứng từ áp dụng theo Quyết định số 946/2021/QĐ-TGD v/v ban hành Quy định danh mục hồ sơ tín dụng và các quyết định sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).
- Các tình huống pháp lý liên quan thực hiện theo Bộ câu hỏi và giải đáp về các tình huống pháp lý liên quan đến hoạt động cấp tín dụng (Q&A phiên bản 2.0) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế khác (nếu có).

A. DANH MỤC HỒ SƠ KHÁCH HÀNG CUNG CẤP CHO OCB

STT	Loại hồ sơ	Loại chứng từ	Yêu cầu
I.	HỒ SƠ PHÁP LÝ		
1.	CMND/Thẻ căn cước công dân/Chứng minh thư quân đội/Hộ chiếu; và	Bản sao	x
2.	Xác nhận thông tin cư trú của KH do cơ quan công an xác nhận/ Thông tin cập nhật tại Cơ sở dữ liệu về nơi cư trú; và	Bản sao	x
3.	Xác nhận tạm trú; hoặc	Bản chính	
	Hóa đơn điện/nước/internet hai tháng gần nhất tính từ thời điểm thời điểm hồ sơ được chuyển cho cấp phê duyệt trên hệ thống BPM;	Bản chính/ Ảnh chụp màn hình thanh toán có	

Lưu hành nội bộ

STT	Loại hồ sơ	Loại chứng từ	Yêu cầu
		chữ ký xác nhận của ĐVKD	
4.	Giấy đăng ký kết hôn	Bản sao	Chỉ cung cấp khi người đứng tên Hóa đơn điện /nước/ Internet là vợ hoặc chồng của khách hàng và khách hàng cần chứng minh nơi cư trú.
II.	HỒ SƠ TÀI CHÍNH ➤ Đối với chứng từ cần thu thập: thực hiện theo hướng dẫn được quy định chi tiết tại Danh mục hồ sơ này; ➤ Đối với hướng dẫn tương ứng với từng nguồn thu nhập: thực hiện theo Quyết định 734/2022/QĐ-TGD ngày 27/10/2022 v/v ban hành Hướng dẫn xác định nguồn thu nhập trả nợ của KHCN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).		
Thu nhập từ lương			
1.	HĐLĐ/Quyết định bổ nhiệm/nâng bậc/nâng lương hoặc các chứng từ tương đương có nội dung ghi rõ hệ số lương theo thang bậc quy định Nhà nước;	Bản sao	x

Lưu hành nội bộ

STT	Loại hồ sơ	Loại chứng từ	Yêu cầu
2.	Sao kê tài khoản lương 06 tháng gần nhất; hoặc	Bản chính	x
	VSSID (Bảo hiểm xã hội điện tử) 06 tháng gần nhất	Bản chính/ Ảnh chụp màn hình VSSID có chữ ký xác nhận của CBKD (CBKD phải chứng kiến KH đăng nhập vào app VSSID chụp 3 màn hình chính bao gồm màn hình thông tin KH và màn hình thời gian tham gia BHXH và màn hình chi tiết mức lương đóng BHXH)	Chỉ cung cấp trong trường hợp KH không cung cấp sao kê tài khoản lương.
3.	HĐLĐ/Quyết định bổ nhiệm/Nâng bậc, nâng lương hoặc các chứng từ tương đương thể hiện được thời gian làm việc của KH	Bản sao	Cung cấp nhằm xác định kinh nghiệm làm việc của KH khi nơi làm việc hiện tại

Lưu hành nội bộ

STT	Loại hồ sơ	Loại chứng từ	Yêu cầu
			<i>của KH chưa đủ 12 tháng.</i>
III.	HỒ SƠ CHỨNG MINH MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN		
1.	Bảng kê các loại hàng hóa cần mua (KH tự khai)	Bản chính	x
IV.	HỒ SƠ VAY VỐN		
1.	Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn	Bản chính	x
2.	Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ	Bản chính	x
V.	HỒ SƠ KHÁC (có thể bổ sung trước giải ngân)		
1.	Xác nhận tất toán tại TCTD khác theo phê duyệt tín dụng, ĐVKD chịu trách nhiệm kiểm tra, thu thập và lưu giữ tại ĐVKD (nếu có)	Bản chính	
	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với hình thức vay từng lần: <ul style="list-style-type: none"> + Biên bản thanh lý hợp đồng; hoặc + Xác nhận đã tất toán khoản vay của TCTD khác; hoặc + Các chứng từ khác thể hiện KH đã tất toán khoản vay. - Đối với khoản vay tại các công ty tài chính chấp nhận các phiếu nộp tiền thông qua hệ thống POS tại các cửa hàng tiện lợi/ công ty (Circle K, Family mart, Viễn thông A, Thế giới di động,...). 	Bản sao	

Lưu hành nội bộ

B. DANH MỤC HỒ SƠ CUNG CẤP CHO TT TTĐ&PDTD

STT	Loại hồ sơ	Hướng dẫn thẩm định/ Yêu cầu hồ sơ	Loại chứng từ
I. HỒ SƠ PHÁP LÝ của KH			
1.	CMND/Chứng minh thư quân đội/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ tùy thân thể hiện rõ thông tin, còn hiệu lực. - Trường hợp sử dụng Chứng minh thư quân đội cần cung cấp thông tin số CMND/ CCCD (kể cả trường hợp CMND/ CCCD hết hạn để tra cứu CIC). - Trường hợp, KH có nhiều số CMND/Thẻ CCCD/Hộ Chiếu: Cung cấp chứng từ pháp lý thể hiện các số CMND/Thẻ CCCD/Hộ Chiếu là của KH theo Bộ câu hỏi và giải đáp về các tình huống pháp lý liên quan đến hoạt động cấp tín dụng (Q&A phiên bản 2.0). Ngoài ra, ĐVKD có thể thu thập thông tin KH như sau: <ul style="list-style-type: none"> + KH đã được cấp CCCD mới có mã QR code thì thực hiện quét mã để tra cứu số CMND, CCCD cũ; + CCCD theo mẫu cũ không có mã QR code hoặc CCCD có mã QR code nhưng không tra cứu được số CMND, CCCD cũ thì vẫn yêu cầu có Giấy xác nhận số CMND, CCCD cũ. 	Bản sao

Lưu hành nội bộ

STT	Loại hồ sơ	Hướng dẫn thẩm định/ Yêu cầu hồ sơ	Loại chứng từ
2.	Xác nhận thông tin cư trú của KH/ Thông tin cập nhật tại Cơ sở dữ liệu về cư trú.	<ul style="list-style-type: none"> Giấy Xác nhận thông tin về cư trú thể hiện nơi cư trú hiện tại của KH thay thế hoặc thông tin cập nhật tại cơ sở dữ liệu về nơi cư trú (thực hiện dưới hình thức văn bản, tin nhắn điện tử đến hộp thư điện tử hoặc điện thoại, trang thông tin điện tử của cơ quan đăng ký cư trú, ứng dụng trên thiết bị điện tử, Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công quản lý cư trú) do OCB hướng dẫn thực hiện trong từng thời kỳ. 	Bản chính/Bản sao
3.	Xác nhận tạm trú; hoặc	<ul style="list-style-type: none"> Xác nhận tạm trú bản chính còn hiệu lực không quá 06 tháng tính từ thời điểm xác nhận của cơ quan có thẩm quyền tới thời điểm cung cấp hồ sơ để thực hiện phê duyệt khoản vay. Lưu ý: Chỉ yêu cầu cung cấp Xác nhận tạm trú/Hóa đơn điện/nước/internet của một hoặc hai tháng gần nhất trong trường hợp KH sinh sống thực tế tại nơi khác với địa chỉ thường trú. 	Bản chính
	Hóa đơn điện/nước/internet hai tháng gần nhất tính từ thời điểm hồ sơ được chuyển cho cấp phê duyệt trên hệ thống BPM	<ul style="list-style-type: none"> Tên chủ hộ là tên KH hoặc vợ/chồng KH. Thời hạn chấp nhận: Một hoặc hai tháng gần nhất tính từ thời điểm hồ sơ được chuyển cho cấp phê duyệt (TT TTĐ&PDTD hoặc cấp phê duyệt khác) trên hệ thống luân chuyển chứng từ/hồ sơ và lưu trữ thông tin đã khai báo (BPM). Thể hiện rõ thông tin địa chỉ nơi cư trú của KH. 	Bản chính/ Ảnh chụp màn hình thanh toán có chữ ký xác nhận của CBKD

Lưu hành nội bộ

STT	Loại hồ sơ	Hướng dẫn thẩm định/ Yêu cầu hồ sơ	Loại chứng từ
4.	Giấy đăng ký kết hôn	- Chứng từ thể hiện đầy đủ thông tin.	Bản sao
HỒ SƠ TÀI CHÍNH ❖ Đối với chứng từ cần thu thập: thực hiện theo hướng dẫn được quy định chi tiết tại Danh mục hồ sơ này; ❖ Đối với hướng dẫn tương ứng với nguồn thu nhập: thực hiện theo Quyết định 734/2022/QĐ-TGĐ v/v <i>Hướng dẫn xác định nguồn thu nhập đối với KHCN</i> và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).			
Thu nhập từ lương			
1.	HĐLĐ/Quyết định bổ nhiệm/nâng bậc/nâng lương hoặc các chứng từ tương đương có nội dung ghi rõ hệ số lương theo thang bậc quy định Nhà nước		Bản sao
2.	Sao kê tài khoản lương 06 tháng gần nhất, hoặc		Bản chính
	VSSID (Bảo hiểm xã hội điện tử) 06 tháng gần nhất		Bản chính/ Ảnh chụp màn hình VSSID có chữ ký xác nhận của CBKD
3.	HĐLĐ/Quyết định bổ nhiệm/Nâng bậc, nâng lương hoặc các chứng từ tương đương thể hiện được thời gian làm việc của KH	Cung cấp nhằm xác định kinh nghiệm làm việc của KH khi nơi làm việc hiện tại của KH chưa đủ 12 tháng	Bản sao
III. HỒ SƠ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN			

Lưu hành nội bộ

STT	Loại hồ sơ	Hướng dẫn thẩm định/ Yêu cầu hồ sơ	Loại chứng từ
1	Bảng kê các loại hàng hóa mua (KH tự lập)	<ul style="list-style-type: none"> Theo mẫu <i>biểu 03 (đính kèm Quy định này)</i> Có chữ ký của KH. 	Bản sao
IV. HỒ SƠ VAY VỐN			
1	Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn	<ul style="list-style-type: none"> Theo mẫu <i>biểu 01 (đính kèm Quy định này)</i> Có đầy đủ thông tin, chữ ký của KH và đại diện OCB, con dấu của ĐVKD, KH ký nháy từng trang. 	Bản chính
2	Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ	<ul style="list-style-type: none"> Theo mẫu <i>biểu 02 (đính kèm Quy định này)</i> Có chữ ký của KH, KH ký nháy từng trang. 	Bản chính
3	Tờ trình tín dụng trên BPM (Mẫu OCB)	<ul style="list-style-type: none"> ĐVKD chịu trách nhiệm điền đầy đủ thông tin và đảm bảo về tính chính xác của các thông tin trên tờ trình. 	Bản chính có chữ ký số
V. HỒ SƠ KHÁC			
1	Sao kê lịch sử trả nợ của KH tại OCB (trường hợp KH có quan hệ tín dụng với OCB)	<ul style="list-style-type: none"> ĐVKD tự sao kê, không yêu cầu KH cung cấp 	Bản scan

Lưu hành nội bộ

C. DANH MỤC HỒ SƠ CHO TT XLGDTD

STT	Loại hồ sơ	Yêu cầu hồ sơ	Loại chứng từ
I. HỒ SƠ CUNG CẤP ĐỀ CẤP TÍN DỤNG			
Hồ sơ pháp lý: TT XLGDTD chỉ đối chiếu thông tin hồ sơ pháp lý với các văn kiện tín dụng (theo Quyết định 700E/2019/QĐ-TGD về phân định trách nhiệm).).			
1.	CMND/Chứng minh thư quân đội/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu	Đầy đủ thông tin và còn hiệu lực	Bản sao
2.	Xác nhận thông tin cư trú của KH /Thông tin cập nhật tại Cơ sở dữ liệu về cư trú.	- Giấy Xác nhận thông tin về cư trú thể hiện nơi cư trú hiện tại của KH thay thế hoặc thông tin cập nhật tại cơ sở dữ liệu về nơi cư trú (thực hiện dưới hình thức văn bản, tin nhắn điện tử đến hộp thư điện tử hoặc điện thoại, trang thông tin điện tử của cơ quan đăng ký cư trú, ứng dụng trên thiết bị điện tử, Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công quản lý cư trú) do OCB hướng dẫn thực hiện trong từng thời kỳ.	Bản sao
3	Xác nhận tạm trú; hoặc	- ĐVKD thực hiện bằng Giấy Xác nhận thông tin về cư trú thể hiện nơi cư trú hiện tại của KH thay thế hoặc thông tin cập nhật tại cơ sở dữ liệu về nơi cư trú (thực hiện dưới hình thức văn bản, tin nhắn điện tử đến hộp thư điện tử hoặc điện thoại, trang thông tin điện tử của cơ quan đăng ký cư trú, ứng dụng trên thiết bị điện tử, Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng	Bản chính

Lưu hành nội bộ

STT	Loại hồ sơ	Yêu cầu hồ sơ	Loại chứng từ
		<p>dịch vụ công quản lý cư trú) do OCB hướng dẫn thực hiện trong từng thời kỳ.</p> <ul style="list-style-type: none"> Thông tin cập nhật tại cơ sở dữ liệu về nơi cư trú (thực hiện dưới hình thức văn bản, tin nhắn điện tử đến hộp thư điện tử hoặc điện thoại, trang thông tin điện tử của cơ quan đăng ký cư trú, ứng dụng trên thiết bị điện tử, Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Cổng dịch vụ công quản lý cư trú) do OCB hướng dẫn thực hiện từng thời kỳ. 	
	Hóa đơn điện/nước/internet của hai tháng gần nhất tính từ thời điểm hồ sơ được chuyển cho cấp phê duyệt trên hệ thống BPM	<ul style="list-style-type: none"> Tên chủ hộ là tên KH hoặc vợ/chồng KH. Thời hạn chấp nhận: Hai tháng gần nhất tính từ thời điểm hồ sơ được chuyển cho cấp phê duyệt (TT TTĐ&PDTD hoặc cấp phê duyệt khác) trên hệ thống luân chuyển chứng từ/hồ sơ và lưu trữ thông tin đã khai báo (BPM). Thể hiện rõ thông tin địa chỉ nơi cư trú của KH. 	Bản chính/ Ảnh chụp màn hình thanh toán có chữ ký xác nhận của ĐVKD
4.	Giấy đăng ký kết hôn;	<ul style="list-style-type: none"> <i>Chỉ cung cấp khi người đứng tên Hóa đơn điện /nước/ Internet là vợ hoặc chồng của khách hàng</i> 	Bản sao

Lưu hành nội bộ

STT	Loại hồ sơ	Yêu cầu hồ sơ	Loại chứng từ
5.	Tờ trình có phê duyệt/Thông báo phê duyệt/Biên bản họp UBND/Xác nhận qua email	<ul style="list-style-type: none"> Nếu xác nhận qua Email, nội dung phê duyệt phải thể hiện đầy đủ thông tin của KH và thông tin của khoản vay. Email phê duyệt đính trên BPM phải từ địa chỉ email của người có thẩm quyền phê duyệt (không sử dụng mail forward). 	Bản chính/ Email xác nhận
II. HỒ SƠ GIẢI NGÂN			
1.	Tờ trình có phê duyệt/Thông báo phê duyệt/Biên bản họp UBND/Xác nhận qua email	<ul style="list-style-type: none"> TT TTD&PDTD ghi rõ thông tin KH vay mua bảo hiểm bảo an tín dụng trên Thông báo kết quả phê duyệt, nếu KH vay mua bảo hiểm tín dụng. Thông tin liên quan đến việc mua bảo hiểm này không phải là điều kiện để xem xét, quyết định việc cho vay, giải ngân. Nếu xác nhận qua Email, nội dung phê duyệt phải thể hiện đầy đủ thông tin của KH và thông tin của khoản vay. Email phê duyệt đính trên BPM phải từ địa chỉ email của người có thẩm quyền phê duyệt (không sử dụng mail forward). 	Bản chính/ Email xác nhận
2.	Kết quả tra CIC với các số CMND/ CCCD, giấy tờ tùy thân của KH hoặc vợ/chồng KH	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện theo quyết định số 831.01/2023/QĐ-TGĐ v/v ban hành Hướng dẫn nguyên tắc sử dụng CIC khi cấp tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có). 	Bản chính

Lưu hành nội bộ

STT	Loại hồ sơ	Yêu cầu hồ sơ	Loại chứng từ
3.	Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn	<ul style="list-style-type: none"> Theo mẫu <i>biểu 01 (đính kèm Quy định này)</i> Có đầy đủ thông tin, chữ ký của KH và đại diện OCB, con dấu của ĐVKD. KH ký nháy từng trang. KH ký tên ghi rõ họ tên, xác nhận đã đọc và đồng ý. 	Bản chính
4.	Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ	<ul style="list-style-type: none"> Theo mẫu <i>biểu 02 (đính kèm Quy định này)</i> Có chữ ký của KH, KH ký nháy từng trang 	Bản chính
5.	Phiếu cập nhật thông tin bảo hiểm trước giải ngân (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> Đầy đủ thông tin 	Bản chính
6.	Bảng kê các loại hàng hóa mua (KH tự khai)	<ul style="list-style-type: none"> Theo mẫu <i>biểu 03 (đính kèm Quy định này)</i> 	Bản chính
7.	Phiếu chuyển khoản in từ Core banking	<ul style="list-style-type: none"> Có chữ ký của người hạch toán 	Bản chính
8.	Cam kết không có tài khoản của người thụ hưởng (nếu giải ngân bằng tiền mặt)	<ul style="list-style-type: none"> Có chữ ký của người thụ hưởng Giải ngân bằng tiền mặt phải tuân thủ theo quy định của OCB từng thời kỳ. 	Bản chính
9.	Xác nhận tất toán tại TCTD khác theo phê duyệt tín dụng, ĐVKD chịu trách nhiệm thu thập và lưu giữ tại ĐVKD (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> Trưởng đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra các chứng từ chứng minh KH đã tất toán khoản vay/ thẻ tín dụng trước khi giải ngân. 	Bản sao

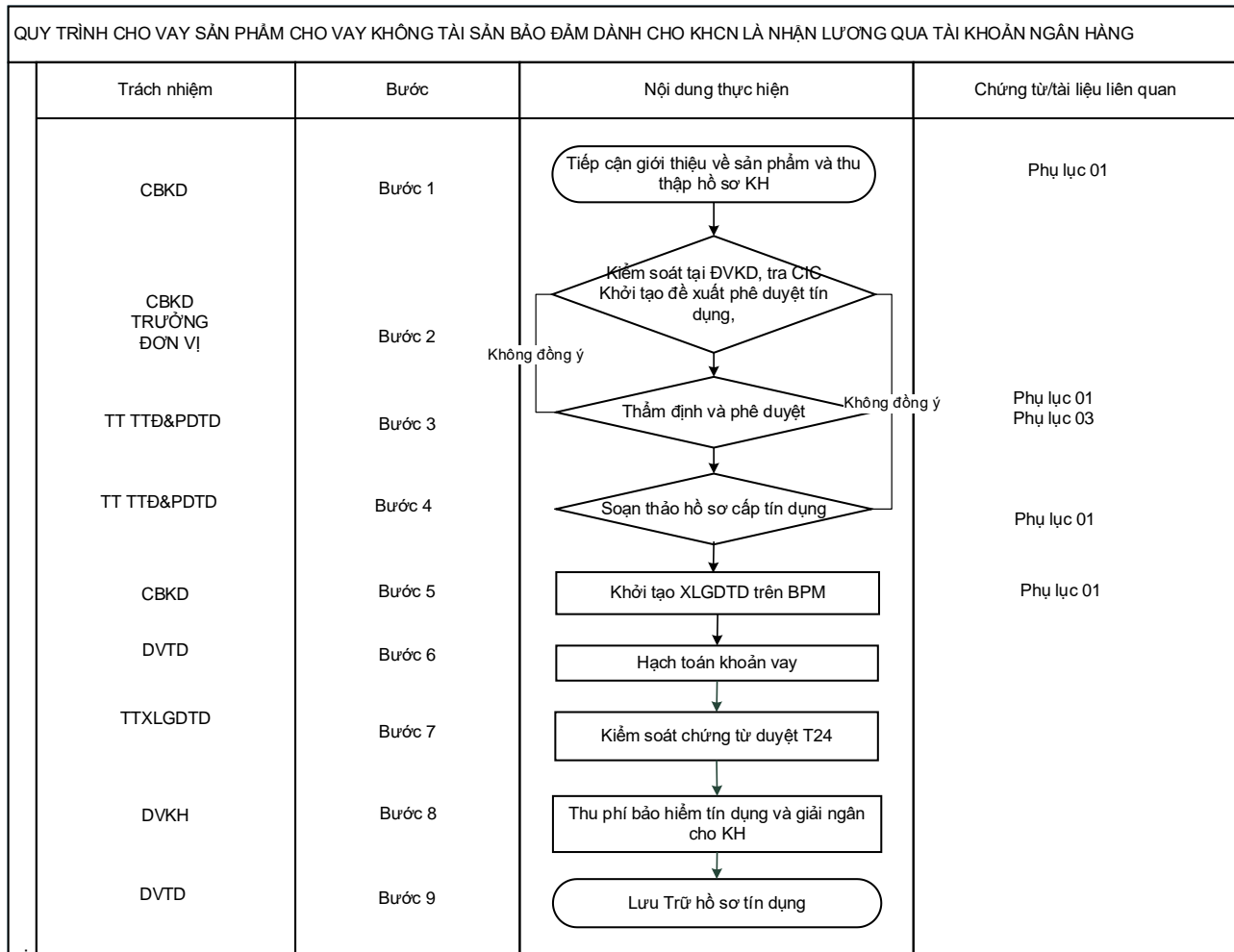
Lưu hành nội bộ

PHỤ LỤC 02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 237.01/2024/QĐ-TGĐ ngày 23/4/2024 của Tổng Giám đốc
Ngân hàng TMCP Phương Đông)

1. Quy trình cho vay

a. Lưu đồ:



b. Diễn giải lưu đồ:

STT	Tên bước	Chi tiết	Bộ phận thực hiện
1.	Tiếp cận, giới thiệu về sản	- Tư vấn, giới thiệu KH về sản phẩm và tư vấn rõ cho KH về việc ký tài liệu liên quan đến khoản vay được tích	CBKD

Lưu hành nội bộ

STT	Tên bước	Chi tiết	Bộ phận thực hiện
	phẩm và thu thập hồ sơ KH	<p>hợp tại <i>Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn</i> nhằm tạo điều kiện cho KH được vay nhanh chóng.</p> <ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra, xác thực thông tin việc làm, thu nhập và nhu cầu vay của KH. Trường hợp KH có nhu cầu vay để thanh toán phí bảo hiểm cho khoản vay này tại OCB, KH cần đăng ký mục đích vay này tại <i>Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn</i>. Hướng dẫn KH cung cấp và thu thập hồ sơ KH theo danh mục Hồ sơ tín dụng tại Phụ lục 01 của Quyết định này. 	
2.	Kiểm soát tại ĐVKD, tra CIC, khởi tạo đề xuất phê duyệt tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> CBKD thực hiện kiểm tra hồ sơ KH cung cấp, đảm bảo hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định OCB và khớp đúng với thông tin CBKD đã thu thập được tại Bước 1. CBKD tra CIC KH và khởi tạo hồ sơ đề xuất phê duyệt tín dụng trên BPM, lập tờ trình tín dụng trên BPM, nếu KH có nhu cầu vay để thanh toán phí bảo hiểm, CBKD nêu rõ trong Tờ trình mục đích vay này. Chuyển bước Kiểm soát 1 tại ĐVKD (GĐ QHKH/GĐ QHKH CC) nếu tại ĐVKD có chức danh này. Chuyển bước Kiểm soát 2 (Trưởng đơn vị): <ul style="list-style-type: none"> Nếu đồng ý, Trưởng đơn vị thông qua đề xuất cấp tín dụng và chuyển bước gửi hồ sơ cho TT TTĐ&PDTD. Nếu cần thêm thông tin/chứng từ: yêu cầu CBKD giải trình/bổ sung. Nếu từ chối, chuyển bước cho CBKD để thông báo KH và nêu rõ lý do từ chối. 	CBKD GĐ QHKH/ GĐ QHKHCC/ Trưởng đơn vị
3.	Trung tâm tái thẩm định & Phê duyệt khoản vay	<ul style="list-style-type: none"> Cấp phê duyệt thực hiện thẩm định và phê duyệt khoản vay theo quy định tại Quyết định sản phẩm này: <ul style="list-style-type: none"> Nếu phê duyệt, chuyển kết quả trả về cho CBKD để thông báo cho KH. Trên thông báo phê duyệt ghi rõ 	Cấp phê duyệt

Lưu hành nội bộ

STT	Tên bước	Chi tiết	Bộ phận thực hiện
		<p>mục đích vay thanh toán phí bảo hiểm tín dụng (nếu KH có đề nghị vay mua bảo hiểm tín dụng). Thông tin liên quan đến việc mua bảo hiểm này không phải là điều kiện để xem xét, quyết định việc cho vay, giải ngân.</p> <p>+ Nếu từ chối, chuyển CBKD thông báo cho KH và nêu rõ lý do từ chối.</p>	
4.	Thực hiện soạn thảo hồ sơ tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hồ sơ: CB DVTD thực hiện kiểm tra thông tin hồ sơ khách hàng và thông tin trên hệ thống BPM phải phù hợp. Kiểm tra danh mục hồ sơ đủ theo quy định. - Thực hiện soạn thảo: <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp hồ sơ soạn thảo thuộc thẩm quyền ĐVKD: <ul style="list-style-type: none"> • CB DVTD thực hiện soạn thảo và cập nhật các văn kiện liên quan lên hệ thống, chuyển hồ sơ lên cấp duyệt soạn thảo. + Trường hợp hồ sơ soạn thảo thuộc thẩm quyền TT XLGDTD: <ul style="list-style-type: none"> • Cán bộ TT XLGDTD được phân công tác vụ thực hiện soạn thảo và upload văn kiện vào hệ thống, chuyển hồ sơ lên cấp duyệt soạn thảo. • Cán bộ TT XLGDTD yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa: Chuyển về CB DVTD để chỉnh sửa thông tin. • Trường hợp thông báo phê duyệt thuộc TT TTĐ&PDTD cần đính chính: gửi nội dung yêu cầu đính chính về cấp phê duyệt. - Kiểm soát hồ sơ soạn thảo: Cấp duyệt hồ sơ soạn thảo thực hiện kiểm tra thông tin trên văn kiện soạn thảo phải đúng với thông tin khách hàng và thông tin được phê duyệt cấp tín dụng của cấp có thẩm quyền. 	CB DVTD TT XLGDTD
5.	Khởi tạo XLGDTD trên BPM	<ul style="list-style-type: none"> - CBKD tại ĐVKD khởi tạo yêu cầu giải ngân trên BPM. 	CBKD

Lưu hành nội bộ

STT	Tên bước	Chi tiết	Bộ phận thực hiện
		<ul style="list-style-type: none"> - CBKD lưu ý, nếu KH tự thanh toán phí bảo hiểm, CBKD hướng dẫn KH thanh toán phí bảo hiểm trước giải ngân. 	
6.	Hạch toán khoản vay	<ul style="list-style-type: none"> - CB DVTD tiếp nhận và kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ do CBKD cung cấp theo phụ lục 01. + Kiểm tra chữ ký KH đã đăng ký trên T24 và chữ ký trên văn kiện tín dụng. + Nếu hồ sơ giải ngân CBKD cung cấp chưa đầy đủ/chữ ký KH không khớp đúng trên T24 thì chuyển trả hồ sơ cho CBKD bổ sung/điều chỉnh/thông báo KH thực hiện cập nhật chữ ký trên T24 tại quầy giao dịch. + Nếu hồ sơ đầy đủ, chữ ký đúng, CB DVTD nhập liệu mở hạn mức, mở hợp đồng vay có theo phân quyền kiểm soát và duyệt trên T24 theo Quyết định 517/2015/QĐ-TGD v/v điều chuyển tạm thời 1 số chức năng kiểm soát và giao dịch tín dụng trên Corebanking và các quyết định sửa đổi/bổ sung/thay thế (nếu có) và quy định phân quyền T24 tại ĐVKD số 327/2018/TB-TGD ngày 03/07/2018. + CB DVTD in phiếu báo có và gửi kèm các chứng từ cho TT XLGDTD để kiểm soát. 	CB DVTD tại ĐVKD
7.	Kiểm soát chứng từ, duyệt T24	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát hồ sơ giải ngân mà ĐVKD cung cấp theo danh mục hồ sơ CB DVTD tại ĐVKD cung cấp. - Kiểm tra thông tin khoản vay được nhập liệu trên T24, đảm bảo nhập đúng các thông tin liên quan đến KH, khoản vay, mã sản phẩm, mã sản phẩm phụ, mã chương trình ưu đãi (nếu có). + Nếu hồ sơ giải ngân ĐVKD cung cấp đầy đủ, phù hợp thì duyệt mở hợp đồng vay trên T24. + Nếu hồ sơ giải ngân ĐVKD cung cấp chưa đầy đủ thì chuyển trả hồ sơ cho ĐVKD yêu cầu bổ sung/điều chỉnh. 	TT XLGDTD
8.	Thu phí bảo hiểm tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp KH có đề nghị vay mua bảo hiểm bảo an tín dụng: 	DVKH

Lưu hành nội bộ

STT	Tên bước	Chi tiết	Bộ phận thực hiện
	bảo an và giải ngân cho KH.	<ul style="list-style-type: none"> + CBKD chuyển hồ sơ liên quan đến mua bảo hiểm tín dụng bảo an cho DVKH để thu phí bảo hiểm. Hồ sơ bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> • Giấy đề nghị mua bảo hiểm (bản sao); • Thông báo phê duyệt có nội dung phê duyệt mục đích vay thanh toán phí bảo hiểm (bản sao); • Phiếu cập nhật thông tin trước giải ngân (bản sao). + DVKH căn cứ hồ sơ trên thực hiện thu phí bảo hiểm bảo an tín dụng từ tài khoản working tiền vay chuyển vào TK chuyên thu của đối tác bảo hiểm mở tại OCB theo thông báo 685/2020/TB-TGD ngày 03/12/2020 v/v Triển khai một số nội dung liên quan đến các sản phẩm bảo hiểm tại Khối bán lẻ - OCB. + CBKD cung cấp hồ sơ giải ngân theo Phụ lục 01 đính kèm. + DVKH thực hiện giải ngân số tiền còn lại trong tài khoản working tiền vay sau khi đã thu phí bảo hiểm theo phương thức giải ngân tiền mặt/chuyển khoản theo quyết định 449/2019/QĐ-TGD v/v ban hành quy định về phương thức giải ngân tại OCB và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). - Đối với trường hợp KH không có đề nghị vay mua bảo hiểm bảo an tín dụng: <ul style="list-style-type: none"> + CBKD cung cấp hồ sơ giải ngân theo Phụ lục 01 đính kèm. + DVKH thực hiện giải ngân theo phương thức giải ngân tiền mặt/chuyển khoản theo quyết định 449/2019/QĐ-TGD v/v ban hành quy định về phương thức giải ngân tại OCB và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). - Lưu ý: việc KH có hay không mua bảo hiểm này không phải là điều kiện để xem xét, quyết định việc giải ngân. 	

Lưu hành nội bộ

STT	Tên bước	Chi tiết	Bộ phận thực hiện
9.	Lưu trữ hồ sơ tín dụng	- CB DVTĐ thực hiện lưu trữ hồ sơ theo Phụ lục 01 đính kèm Quyết định này.	DVTĐ

Lưu hành nội bộ

PHỤ LỤC 03 TIÊU CHUẨN THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 237.01/2024/QĐ-TGD ngày 23/4/2024 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông)

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn thẩm định phê duyệt	Cơ sở, căn cứ xác định	Nội dung/ Tiêu chuẩn chấp nhận ngoại lệ
I. Đối tượng KH và phạm vi áp dụng				
1.	Đối tượng KH	<ul style="list-style-type: none">- KH có quốc tịch Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự và năng lực pháp luật dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.- Khách hàng cá nhân (không bao gồm vợ/chồng KH (nếu có)) có nguồn thu nhập từ lương được trả qua tài khoản ngân hàng.- KH có thông tin đóng Bảo hiểm xã hội liên tục trong 06 tháng gần nhất (không bị gián đoạn bất kỳ tháng nào) và có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu 12 tháng trên VSSID (BHXH điện tử). <p>Lưu ý: Không cấp tín dụng cho KH có nghề nghiệp như: Lái xe, bảo vệ, tạp vụ, cộng tác viên...).</p>	<ul style="list-style-type: none">- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn kèm hợp đồng tín dụng- Tờ trình tín dụng.- Hợp đồng lao động/ Quyết định bổ nhiệm/ các chứng từ tương đương theo phụ lục 01.	Không ngoại lệ

Lưu hành nội bộ

		<ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng là công chức, viên chức, lực lượng vũ trang hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước (NSNN) và có áp dụng hệ số ưu tiên không vay theo chính sách sản phẩm này. 		
2.	Điều kiện về công việc	<ul style="list-style-type: none"> - KH có Hợp đồng lao động không xác định thời hạn/Hợp đồng lao động có thời hạn từ 12 tháng trở lên, và - Thời gian làm việc tối thiểu tại đơn vị hiện tại (không bao gồm thời gian thử việc): 06 tháng và có kinh nghiệm công tác tối thiểu 12 tháng tại tất cả các Đơn vị KH đã từng công tác. Cơ sở xác định kinh nghiệm căn cứ vào HĐLĐ/Quyết định bổ nhiệm/Nâng bậc, nâng lương hoặc các chứng từ khác thể hiện được thời gian làm việc của KH. <p><u>Lưu ý:</u> Kinh nghiệm làm việc thể hiện bằng thời gian KH công tác. ĐVKD chịu trách nhiệm xác minh tính hợp lý dựa trên độ tuổi, mức lương, chức vụ và xác thực về nội dung kinh nghiệm trên tờ trình, đồng thời yêu cầu KH cung cấp thêm chứng từ thể hiện được thời gian làm việc.</p> <p>Thời hạn còn lại của HĐLĐ có thời hạn: yêu cầu thời hạn còn lại của HĐLĐ tối thiểu 01 tháng. Trước giải ngân: cung cấp xác nhận gia hạn HĐLĐ hoặc phụ lục HĐLĐ có nội dung quy định thời hạn HĐLĐ từ 12 tháng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn kèm hợp đồng tín dụng - Tờ trình tín dụng. - Hợp đồng lao động/ Quyết định bộ nhiệm/ các chứng từ tương đương theo phụ lục 01. 	Không ngoại lệ

Lưu hành nội bộ

		trở lên, hoặc chuyển/thay đổi từ HDLD có thời hạn thành HDLD không xác định thời hạn.		
3.	Đơn vị trả lương	<p>Giao Khối Bán lẻ ban hành hướng dẫn quy trình nội bộ về việc đánh giá, chấp thuận, kiểm soát danh sách Đơn vị trả lương đủ điều kiện.</p> <p>Chia thành 03 nhóm. Thỏa mãn điều kiện chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề bị cấm theo quy định của OCB. - Thông tin trên internet: không có thông tin xấu (phá sản, vi phạm pháp luật, đang bị kiện tụng...); và: <p>4. Nhóm A: Doanh nghiệp lớn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM, HN; - VNR500; - Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất VN; - Top 500 DN lợi nhuận nhất VN; - Top 1000 DN nộp thuế cao nhất VN. <p>5. Nhóm B:</p> <p>5.1 Công ty đa quốc gia:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty mẹ nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn kèm hợp đồng tín dụng - Tờ trình tín dụng. - Hợp đồng lao động/ Quyết định bộ nhiệm/ các chứng từ tương đương theo phụ lục 01. 	

Lưu hành nội bộ

		<ul style="list-style-type: none"> - Công ty mẹ nằm trong danh sách công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại quốc gia công ty mẹ có trụ sở hoạt động. - Có ít nhất 01 chi nhánh hoạt động tại quốc gia khác ngoài Việt Nam và ngoài quốc gia công ty mẹ có trụ sở hoạt động. - Đơn vị trả lương là công ty con cấp 1 của công ty mẹ - CIC của đơn vị trả lương: hiện không có nợ quá hạn, không có nợ nhóm 3 trở lên trong vòng 36 tháng gần nhất và không có nợ bán VAMC và nợ đã được XLRR tại OCB và các TCTD khác tính đến thời điểm cấp tín dụng. <p>5.2 Doanh nghiệp lớn trong nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động tối thiểu 05 năm - Doanh thu năm gần nhất từ 100 tỷ đồng trở lên. - Có ít nhất 100 nhân viên - Vốn điều lệ đăng ký theo Đăng ký kinh doanh từ 20 tỷ trở lên. - CIC của đơn vị trả lương: hiện không có nợ quá hạn, không có nợ nhóm 3 trở lên trong vòng 36 tháng gần nhất và không có nợ bán VAMC và nợ đã được XLRR tại OCB và các TCTD khác tính đến thời điểm cấp tín dụng. <p>5.3 Đại sứ quan, lãnh sự quán.</p> <p>5.4 Doanh nghiệp nhà nước (100% vốn nhà nước)</p>		
--	--	---	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - 100% vốn nhà nước. Tra cứu danh sách tại https://business.gov.vn/doanh-nghiep-nha-nuoc/danh-sach - Hoạt động tối thiểu 10 năm - CIC của đơn vị trả lương: hiện không có nợ quá hạn, không có nợ nhóm 3 trở lên trong vòng 36 tháng gần nhất và không có nợ bán VAMC và nợ đã được XLRR tại OCB và các TCTD khác tính đến thời điểm cấp tín dụng. <p>5.5 Bệnh viện, trường học, đại học thuộc khối nhà nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% vốn nhà nước - Hoạt động tối thiểu 10 năm - CIC của đơn vị trả lương: hiện không có nợ quá hạn, không có nợ nhóm 3 trở lên trong vòng 36 tháng gần nhất và không có nợ bán VAMC và nợ đã được XLRR tại OCB và các TCTD khác tính đến thời điểm cấp tín dụng. <p>5.6 Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vốn điều lệ đăng ký từ 30 tỷ đồng trở lên - Lợi nhuận thuần sau thuế (NPAT – net profit after tax) trong 2 năm gần nhất: có lời. - Doanh thu năm gần nhất: từ 200 tỷ đồng trở lên. - CIC của đơn vị trả lương: hiện không có nợ quá hạn, không có nợ nhóm 3 trở lên trong vòng 36 tháng gần nhất 		
--	--	--	--	--

Lưu hành nội bộ

		<p>và không có nợ bán VAMC và nợ đã được XLRR tại OCB và các TCTD khác tính đến thời điểm cấp tín dụng.</p> <p>6. Nhóm C: Khác</p> <p>6.1 Văn phòng đại diện tổ chức nước ngoài tại Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động tối thiểu 02 năm. - Là văn phòng đại diện tổ chức nước ngoài tại Việt Nam. - CIC của đơn vị trả lương: hiện không có nợ quá hạn, không có nợ nhóm 3 trở lên trong vòng 36 tháng gần nhất và không có nợ bán VAMC và nợ đã được XLRR tại OCB và các TCTD khác tính đến thời điểm cấp tín dụng. <p>6.2 Doanh nghiệp có quan hệ tín dụng với OCB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xếp hạng tín dụng C2 trở lên; - Có lợi nhuận 1 năm gần nhất tới thời điểm trình cấp phê duyệt; - Không có nợ nhóm 2 trong vòng 12 tháng gần nhất tới thời điểm trình cấp phê duyệt. - Công ty có quan hệ với OCB thuộc Khối Khách hàng doanh nghiệp quản lý, đồng thời có mã khách hàng được ghi nhận trên hệ thống nội bộ của OCB. - Hoạt động tối thiểu 02 năm. - Vốn điều lệ đăng ký từ 02 tỷ đồng trở lên 		
--	--	---	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - CIC của đơn vị trả lương: hiện không có nợ quá hạn, không có nợ nhóm 3 trở lên trong vòng 36 tháng gần nhất và không có nợ bán VAMC và nợ đã được XLRR tại OCB và các TCTD khác tính đến thời điểm cấp tín dụng. - P.SPCV Tín chấp đánh giá hàng năm đảm bảo Doanh nghiệp có quan hệ tín dụng với OCB đang không có phát sinh nợ quá hạn tại OCB. <p>6.3 Tổ chức hành chính, sự nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị hành chính sự nghiệp. - Cơ quan nhà nước: Tổ chức chính trị xã hội, lực lượng vũ trang, đơn vị kinh tế thuộc cơ quan nhà nước khác 		
4.	Phạm vi áp dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Tất cả các Trung tâm bán lẻ của Khối Bán lẻ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn kiêm hợp đồng tín dụng 	Không ngoại lệ
II. Điều kiện KH				
1.	Độ tuổi	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 22 tuổi trở lên tại thời điểm đề xuất cấp tín dụng và không quá 60 tuổi tại thời điểm kết thúc khoản vay đối với nam hoặc 55 tuổi đối với nữ, hoặc theo quy định về tuổi về hưu theo quy định của Pháp luật theo từng thời kỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn kiêm hợp đồng tín dụng - Tờ trình tín dụng. - CMND/Chứng minh thư quân đội/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu. 	Không ngoại lệ

Lưu hành nội bộ

2.	Nơi cư trú	<ul style="list-style-type: none"> - KH có địa chỉ thường trú (tại các tỉnh/thành phố trên lãnh thổ Việt Nam; và - KH có nơi cư trú hiện tại và nơi phát sinh phương án vay vốn thuộc địa bàn như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Thuộc cùng Tỉnh/ Thành phố nơi ĐVKD cho vay trú đóng: không giới hạn khoảng cách đến ĐVKD cho vay; hoặc + Thuộc các Tỉnh/ Thành phố trực thuộc Trung ương giáp ranh đường bộ với Tỉnh/ Thành phố trực thuộc Trung ương nơi đóng trụ sở của ĐVKD cho vay: cách ĐVKD cho vay trong vòng bán kính 70 km đối với khu vực TP.HCM/ Hà Nội và 50 km đối với các khu vực còn lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn kèm hợp đồng tín dụng - Tờ trình tín dụng. - Hộ khẩu thường trú (đầy đủ các trang) hoặc KT3/Xác nhận tạm trú/ Chứng từ được quy định tại Phụ lục 01 	Không ngoại lệ
3.	Xếp hạng tín dụng (XHTD)	<ul style="list-style-type: none"> - OCB chỉ thực hiện cấp tín dụng cho các KH xếp hạng từ 1 đến 7. - ĐVKD chịu trách nhiệm thực hiện xếp hạng tín dụng theo Quyết định số 619/2022/QĐ-TGD v/v Quy định sử dụng công cụ xếp hạng tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Link thực hiện xếp hạng tín dụng: https://xhtd.ocb.com.vn/Home 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả xếp hạng tín dụng. 	Không ngoại lệ

Lưu hành nội bộ

4.	Điều kiện vay và lịch sử trả nợ	<ul style="list-style-type: none"> - Không có nợ quá hạn tại OCB ở thời điểm phê duyệt khoản vay (căn cứ theo sao kê các khoản vay của KH tại OCB và nợ quá hạn được xét là nợ trễ hạn thanh toán từ 1 ngày trở lên); và - Không có nợ Nhóm 02 tại OCB và các TCTD khác trong vòng 12 tháng gần nhất; và - Không phát sinh nợ từ Nhóm 03 trở lên tại OCB và các TCTD khác trong vòng 36 tháng gần nhất; và - Không có nợ bán VAMC, không có nợ xử lý rủi ro tín dụng tính đến thời điểm thẩm định khoản vay. - Trường hợp số tiền quá hạn(*) tại OCB từ 5.000.0000 (năm triệu) đồng trở xuống và/ hoặc số tiền quá hạn(*) tại các TCTD khác từ 2.000.000 (hai triệu) đồng trở xuống (theo Văn bản xác nhận của TCTD số tiền quá hạn thực tế của KH): chấp nhận KH đã từng phát sinh nợ Nhóm 02 tại OCB và các TCTD khác trong vòng 12 tháng gần nhất hoặc nợ Nhóm 03 trở lên tại OCB và các TCTD khác trong vòng 36 tháng gần nhất với điều kiện số lần phát sinh quá hạn tối đa 1 lần và khách hàng đã hoàn tất thanh toán hết các khoản quá hạn (OCB: đơn vị vận hành tự tra cứu trên hệ thống nội bộ, TCTD khác: căn cứ Văn bản xác nhận của TCTD). <p>(*) Số tiền quá hạn không phải là dư nợ, được xét là số tiền đến hạn thanh toán nhưng KH chưa thanh toán.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số CMND trên CIC phải trùng khớp số trên CMND của KH, tra cứu toàn bộ các số CMND hoặc các giấy tờ tùy thân (CMND/Chứng minh thư quân đội/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu) nếu KH có nhiều giấy tờ tùy thân khác nhau. - Hiệu lực tra cứu CIC không quá 30 ngày tính tới thời điểm trình hồ sơ. - Thực hiện theo quyết định số 275/2022/QĐ-TGD ngày 26/05/2022 v/v ban hành Hướng dẫn một số nguyên tắc cho vay và nghiệp vụ cấp tín dụng khác 	Không ngoại lệ
----	---------------------------------	--	---	----------------

Lưu hành nội bộ

		Lưu ý: Thực hiện theo Quyết định 831.01/2023/QĐ-TGD ngày 28/08/2023 v/v ban hành Hướng dẫn nguyên tắc sử dụng CIC khi cấp tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).		
5.	Thu nhập tối thiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Thu nhập trung bình 06 tháng liên tục gần nhất thể hiện qua sao kê tài khoản hoặc VSSID (Bảo hiểm xã hội điện tử): <ul style="list-style-type: none"> + 10 triệu đồng/tháng tại Hà Nội/TP.HCM + 08 triệu đồng/tháng tại các Tỉnh/TP khác <p>Lưu ý: căn cứ theo địa điểm làm việc của KH để tính thu nhập tối thiểu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ tài chính theo Phụ lục 01 	Không ngoại lệ
6.	Nguồn thu nhập	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn thu nhập từ lương trả qua tài khoản Ngân hàng Phương Đông (OCB) hoặc trả lương qua tài khoản ngân hàng khác. Không chấp nhận các nguồn thu nhập khác. - Không nộp sao kê tài khoản: chấp nhận thu nhập thể hiện trên VSSID, trung bình 6 tháng liên tục gần nhất và được TT. TTĐ&PDTD chấp thuận. - ĐVKD thẩm định chứng từ nguồn thu từ lương theo Quyết định 734/2022/QĐ-TGD ngày 27/10/2022 v/v ban hành Hướng dẫn xác định nguồn thu nhập trả nợ của KHCN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ tài chính cung cấp theo Phụ lục 01. - Thẩm định chứng từ nguồn thu theo Quyết định 50/2021/QĐ-TGD ngày 21/01/2021 v/v ban hành Hướng dẫn xác định nguồn thu nhập trả nợ của KHCN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). 	Không ngoại lệ

Lưu hành nội bộ

7.	DTI	<ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng chưa từng có quan hệ tín dụng (vay, thẻ tín dụng) (theo CIC): tối đa 65%. - Đã có quan hệ tín dụng (vay, thẻ tín dụng): <ul style="list-style-type: none"> + Khách hàng có thu nhập thuần (net) trung bình tối thiểu < 50 triệu/ tháng: tối đa 70% + Khách hàng có thu nhập thuần (net) trung bình tối thiểu từ 50 triệu/ tháng trở lên và có cam kết trả lương từ kỳ trả lương kế tiếp của Đơn vị trả lương về OCB: tối đa 75% + Các trường hợp khác: tối đa 65% - Xem xét DTI cho khoản vay lần này tính trên tổng thu nhập chứng minh được và tổng nghĩa vụ phải trả của KH và đảm bảo chi chí sinh hoạt tối thiểu 4,4 triệu đồng/tháng - DTI được cộng thêm 5% trường hợp khách hàng có xác nhận của Đơn vị trả lương cam kết trả lương vào tài khoản của KH mở tại OCB. - Cách xác định tổng thu nhập hàng tháng để tính DTI như sau: chỉ tính thu nhập từ lương qua tài khoản ngân hàng. Trường hợp lương khác nhau giữa các tháng, thì lấy mức thấp nhất là mức cơ sở tính DTI. - Hướng dẫn tính DTI thực hiện theo Quyết định 734/2022/QĐ-TGD ngày 27/10/2022 v/v ban hành 	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình tín dụng. - Hồ sơ tài chính cung cấp theo Phụ lục 01. 	Không ngoại lệ
----	-----	---	---	----------------

Lưu hành nội bộ

		Hướng dẫn xác định nguồn thu nhập trả nợ của KHCN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).		
III. Điều kiện khoản cấp tín dụng				
1.	Mục đích sử dụng vốn vay	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu dùng, phục vụ nhu cầu đời sống của KH và/hoặc vợ/chồng/con KH phù hợp với quy định pháp luật. - Thanh toán phí bảo hiểm tín dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn kèm hợp đồng tín dụng - Tờ trình tín dụng. 	Không ngoại lệ
2.	Tỷ lệ tài trợ/phương án sử dụng vốn	<ul style="list-style-type: none"> - Tối đa 100% tổng nhu cầu vốn theo phương án của KH. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn - Tờ trình tín dụng - Bảng kê mục đích sử dụng vốn 	Không ngoại lệ
3.	Loại tiền	<ul style="list-style-type: none"> - VND 	<ul style="list-style-type: none"> - Mục loại tiền trên Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn kèm hợp đồng tín dụng. 	Không ngoại lệ
4.	Mức tài trợ tối đa	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 10 triệu đồng, - Tối đa: <ul style="list-style-type: none"> + Khách hàng chưa từng có quan hệ tín dụng: 10 lần thu nhập trung bình 06 tháng gần nhất. + Đã có quan hệ tín dụng (vay, thẻ tín dụng): 15 lần thu nhập trung bình 06 tháng gần nhất. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn kèm hợp đồng tín dụng. - Tờ trình tín dụng. - Bảng kê mục đích sử dụng vốn 	Không ngoại lệ

Lưu hành nội bộ

		<ul style="list-style-type: none"> + Khách hàng có thu nhập thuần (net) trung bình tối thiểu từ 50 triệu trở lên và có văn bản cam kết trả lương của Đơn vị trả lương về OCB: 20 lần. Khối Bán lẻ kiểm soát tỷ lệ phê duyệt cho nhóm khách hàng có hạn mức > 15 lần và ≤ 20 lần này không vượt quá 30% trên tổng giá trị phê duyệt cho toàn bộ sản phẩm này. - Tổng hạn mức rủi ro tín chấp của KH (bao gồm khoản vay tín chấp hiện tại và khoản vay tín chấp đề xuất) tất cả sản phẩm tín chấp tại OCB: 1,5 tỷ đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng từ chứng minh nguồn thu nhập từ lương theo phụ lục 01 	
5.	Thời hạn cấp tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 12 tháng, tối đa 60 tháng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn kèm hợp đồng tín dụng. - Tờ trình tín dụng 	Không ngoại lệ
6.	Phương thức cấp tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Cho vay từng lần. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn - Tờ trình tín dụng 	Không ngoại lệ
7.	Lãi suất, phí	<ul style="list-style-type: none"> - Lãi suất, phí trả nợ trước hạn áp dụng và thẩm quyền giảm lãi suất: theo quy định của OCB ban hành từng thời kỳ. - Lãi quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian quá hạn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện điều khoản giao dịch chung - Tờ trình tín dụng. 	Theo thẩm quyền miễn, giảm lãi phí ban hành từng thời kỳ

Lưu hành nội bộ

		- Lãi chậm trả: 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.		
8.	Phương thức giải ngân	- Phương thức giải ngân tuân thủ Quyết định số 449/2019/QĐ-TGD v/v ban hành Quy định về phương thức giải ngân vay vốn tại OCB và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).	- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn kèm hợp đồng tín dụng. - Tờ trình tín dụng	
9.	Phương thức trả nợ	- KH có thể lựa 1 trong 2 phương thức trả nợ sau: + Gốc trả đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng theo dư nợ giảm dần; + Niên kim đều: gốc cộng lãi trả đều hàng tháng, trong đó lãi tính trên dư nợ giảm dần. Đây còn gọi là EMI (Equal Monthly Instalment). <u>Lưu ý:</u> Ngày trả nợ được xác định là ngày trả lương gần nhất của khách hàng được xác định dựa trên sao kê được khách hàng cung cấp hoặc theo Quyết định của Giám Đốc Khối Bán lẻ ban hành trong từng thời kỳ.	- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn kèm hợp đồng tín dụng. - Tờ trình tín dụng	Không ngoại lệ
10.	Tài sản bảo đảm	- Không có tài sản bảo đảm.	- Tờ trình tín dụng.	Không ngoại lệ
11.	Bảo hiểm bảo an tín dụng	- Trường hợp KH tham gia bảo hiểm để đảm bảo rủi ro cho khoản vay của KH tại OCB (thông tin bên thụ hưởng	- Tờ trình tín dụng.	Không ngoại lệ

Lưu hành nội bộ

	(không bắt buộc)	<p>là OCB). Việc KH có hay không mua bảo hiểm này không phải là điều kiện để xem xét, quyết định việc cho vay, giải ngân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp khoản vay không tham gia bảo hiểm, để đảm bảo rủi ro thì được áp dụng mức lãi suất cao hơn cộng (+) 3%/ năm. 		
12.	Điều kiện khác	<ul style="list-style-type: none"> - KH phát sinh dư nợ không có TSBĐ (không bao gồm thẻ tín dụng) tại tối đa 03 TCTD/ Công ty tài chính khác (bao gồm OCB) và có không quá 03 thẻ tín dụng (căn cứ thông qua hệ thống CIC)². Tổng ngưỡng rủi ro tín dụng không TSBĐ của KH tại OCB và các TCTD khác bao gồm khoản vay lần này không vượt quá 1.5 tỷ đồng. - Lưu ý: Trường hợp KH phát sinh dư nợ không có TSBĐ và có số lượng thẻ tín dụng lớn hơn quy định trên và đồng ý tất toán trước khi giải ngân tại OCB, Trường đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra các chứng từ chứng minh KH đã tất toán khoản vay/ thẻ tín dụng trước khi giải ngân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình tín dụng. - Hồ sơ khác được quy định tại Phụ lục 01 	Không ngoại lệ

² KH có dư nợ tại Công ty tài chính vẫn áp dụng theo chỉ thị số: 173.01/2023/CT-TGD ngày 14/03/2023 v/v xem xét khi cấp tín dụng đối với KHCN vay vốn tại Công ty tài chính

Lưu hành nội bộ

PHỤ LỤC 04 TIÊU CHÍ GIÁM SÁT TÍN DỤNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 237.01/2024/QĐ-TGD ngày 23/4/2024 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông)

TT	Tiêu chí	Tiêu chí kiểm tra	Hồ sơ tín dụng	Nội dung kiểm tra
I	Đối tượng KH và phạm vi áp dụng			
1	Đối tượng KH	<ul style="list-style-type: none"> - KH có quốc tịch Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự và năng lực pháp luật dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. - Khách hàng cá nhân (không bao gồm vợ/chồng KH (nếu có)) có nguồn thu nhập từ lương được trả qua tài khoản ngân hàng. - KH có thông tin đóng Bảo hiểm xã hội liên tục trong 06 tháng gần nhất (không bị gián đoạn bất kỳ tháng nào) và có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu 12 tháng trên VSSID (BHXH điện tử). <p>Lưu ý: Không cấp tín dụng cho KH có nghề nghiệp như: Lái xe, bảo vệ, tạp vụ, cộng tác viên...).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng là công chức, viên chức, lực lượng vũ trang hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước (NSNN) và có áp 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn - Tờ trình tín dụng. 	Kiểm tra tính chính xác, tuân thủ theo quy định của Pháp luật, OCB và sản phẩm.

Lưu hành nội bộ

		dụng hệ số ưu tiên không vay theo chính sách sản phẩm này.		
2	Điều kiện về công việc	<ul style="list-style-type: none"> - KH có Hợp đồng lao động không xác định thời hạn/Hợp đồng lao động có thời hạn từ 12 tháng trở lên, và - Thời gian làm việc tối thiểu tại đơn vị hiện tại (không bao gồm thời gian thử việc): 06 tháng và có kinh nghiệm công tác tối thiểu 12 tháng tại tất cả các Đơn vị KH đã từng công tác. Cơ sở xác định kinh nghiệm căn cứ vào HĐLĐ/Quyết định bổ nhiệm/Nâng bậc, nâng lương hoặc các chứng từ khác thể hiện được thời gian làm việc của KH. <p>Lưu ý: Kinh nghiệm làm việc thể hiện bằng thời gian KH công tác. ĐVKD chịu trách nhiệm xác minh tính hợp lý dựa trên độ tuổi, mức lương, chức vụ và xác thực về nội dung kinh nghiệm trên tờ trình, đồng thời yêu cầu KH cung cấp thêm chứng từ thể hiện được thời gian làm việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn còn lại của HĐLĐ có thời hạn: yêu cầu thời hạn còn lại của HĐLĐ tối thiểu 01 tháng. Trước giải ngân: cung cấp xác nhận gia hạn HĐLĐ hoặc phụ lục HĐLĐ có nội dung quy định thời hạn HĐLĐ từ 12 tháng trở lên, 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn kèm hợp đồng tín dụng - Tờ trình tín dụng. 	Kiểm tra tính chính xác, tuân thủ theo quy định của Pháp luật, OCB và sản phẩm.

Lưu hành nội bộ

		hoặc chuyển/thay đổi từ HĐLĐ có thời hạn thành HĐLĐ không xác định thời hạn.		
3	Đơn vị trả lương	<p>Giao Khối Bán lẻ ban hành hướng dẫn quy trình nội bộ về việc đánh giá, chấp thuận, kiểm soát danh sách Đơn vị trả lương đủ điều kiện.</p> <p>Chia thành 03 nhóm. Thỏa mãn điều kiện chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề bị cấm theo quy định của OCB. - Thông tin trên internet: không có thông tin xấu (phá sản, vi phạm pháp luật, đang bị kiện tụng...); và: <p>7. Nhóm A: Doanh nghiệp lớn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM, HN; - VNR500; - Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất VN; - Top 500 DN lợi nhuận nhất VN; - Top 1000 DN nộp thuế cao nhất VN. <p>8. Nhóm B:</p> <p>8.1 Công ty đa quốc gia:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty mẹ nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn kèm hợp đồng tín dụng - Tờ trình tín dụng. 	Kiểm tra tính chính xác, tuân thủ theo quy định của Pháp luật, OCB và sản phẩm.

Lưu hành nội bộ

		<ul style="list-style-type: none"> - Công ty mẹ nằm trong danh sách công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại quốc gia công ty mẹ có trụ sở hoạt động. - Có ít nhất 01 chi nhánh hoạt động tại quốc gia khác ngoài Việt Nam và ngoài quốc gia công ty mẹ có trụ sở hoạt động. - Đơn vị trả lương là công ty con cấp 1 của công ty mẹ - CIC của đơn vị trả lương: hiện không có nợ quá hạn, không có nợ nhóm 3 trở lên trong vòng 36 tháng gần nhất và không có nợ bán VAMC và nợ đã được XLRR tại OCB và các TCTD khác tính đến thời điểm cấp tín dụng. <p>8.2 Doanh nghiệp lớn trong nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động tối thiểu 05 năm - Doanh thu năm gần nhất từ 100 tỷ đồng trở lên. - Có ít nhất 100 nhân viên - Vốn điều lệ đăng ký theo Đăng ký kinh doanh từ 20 tỷ trở lên. - CIC của đơn vị trả lương: hiện không có nợ quá hạn, không có nợ nhóm 3 trở lên trong vòng 36 tháng gần nhất và không có nợ bán VAMC và nợ đã được XLRR tại OCB và các TCTD khác tính đến thời điểm cấp tín dụng. 		
--	--	--	--	--

Lưu hành nội bộ

		<p>8.3 Đại sứ quán, lãnh sự quán.</p> <p>8.4 Doanh nghiệp nhà nước (100% vốn nhà nước)</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% vốn nhà nước. Tra cứu danh sách tại https://business.gov.vn/doanh-nghiep-nha-nuoc/danh-sach - Hoạt động tối thiểu 10 năm - CIC của đơn vị trả lương: hiện không có nợ quá hạn, không có nợ nhóm 3 trở lên trong vòng 36 tháng gần nhất và không có nợ bán VAMC và nợ đã được XLRR tại OCB và các TCTD khác tính đến thời điểm cấp tín dụng. <p>8.5 Bệnh viện, trường học, đại học thuộc khối nhà nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% vốn nhà nước - Hoạt động tối thiểu 10 năm - CIC của đơn vị trả lương: hiện không có nợ quá hạn, không có nợ nhóm 3 trở lên trong vòng 36 tháng gần nhất và không có nợ bán VAMC và nợ đã được XLRR tại OCB và các TCTD khác tính đến thời điểm cấp tín dụng. <p>8.6 Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vốn điều lệ đăng ký từ 30 tỷ đồng trở lên - Lợi nhuận thuần sau thuế (NPAT – net profit after tax) trong 2 năm gần nhất: có lời. 		
--	--	---	--	--

Lưu hành nội bộ

		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu năm gần nhất: từ 200 tỷ đồng trở lên. - CIC của đơn vị trả lương: hiện không có nợ quá hạn, không có nợ nhóm 3 trở lên trong vòng 36 tháng gần nhất và không có nợ bán VAMC và nợ đã được XLRR tại OCB và các TCTD khác tính đến thời điểm cấp tín dụng. <p>9. Nhóm C: Khác</p> <p>9.1 Văn phòng đại diện tổ chức nước ngoài tại Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động tối thiểu 02 năm. - Là văn phòng đại diện tổ chức nước ngoài tại Việt Nam. - CIC của đơn vị trả lương: hiện không có nợ quá hạn, không có nợ nhóm 3 trở lên trong vòng 36 tháng gần nhất và không có nợ bán VAMC và nợ đã được XLRR tại OCB và các TCTD khác tính đến thời điểm cấp tín dụng. <p>9.2 Doanh nghiệp có quan hệ tín dụng với OCB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xếp hạng tín dụng C2 trở lên; - Có lợi nhuận 1 năm gần nhất tới thời điểm trình cấp phê duyệt; - Không có nợ nhóm 2 trong vòng 12 tháng gần nhất tới thời điểm trình cấp phê duyệt. 		
--	--	--	--	--

Lưu hành nội bộ

		<ul style="list-style-type: none"> - Công ty có quan hệ với OCB thuộc Khối Khách hàng doanh nghiệp quản lý, đồng thời có mã khách hàng được ghi nhận trên hệ thống nội bộ của OCB. - Hoạt động tối thiểu 02 năm. - Vốn điều lệ đăng ký từ 02 tỷ đồng trở lên - CIC của đơn vị trả lương: hiện không có nợ quá hạn, không có nợ nhóm 3 trở lên trong vòng 36 tháng gần nhất và không có nợ bán VAMC và nợ đã được XLRR tại OCB và các TCTD khác tính đến thời điểm cấp tín dụng. - P.SPCV Tín chấp đánh giá hàng năm đảm bảo Doanh nghiệp có quan hệ tín dụng với OCB đang không có phát sinh nợ quá hạn tại OCB. <p>9.3 Tổ chức hành chính, sự nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị hành chính sự nghiệp. - Cơ quan nhà nước: Tổ chức chính trị xã hội, lực lượng vũ trang, đơn vị kinh tế thuộc cơ quan nhà nước khác 		
4	Phạm vi áp dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Tất cả các Trung tâm bán lẻ của Khối Bán lẻ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn kèm hợp đồng tín dụng - Tờ trình tín dụng. 	Kiểm tra tính chính xác, tuân thủ theo quy định của Pháp luật, OCB và sản phẩm.

Lưu hành nội bộ

II Điều kiện KH				
1	Độ tuổi	<ul style="list-style-type: none"> Từ 22 tuổi trở lên tại thời điểm đề xuất cấp tín dụng và không quá 60 tuổi tại thời điểm kết thúc khoản vay đối với nam hoặc 55 tuổi đối với nữ, hoặc theo quy định về tuổi về hưu theo quy định của Pháp luật theo từng thời kỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn kèm hợp đồng tín dụng Tờ trình tín dụng. CMND/Chứng minh thư quân đội/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu. 	Kiểm tra tính chính xác và tuân thủ theo điều kiện của sản phẩm.
2	Nơi cư trú	<ul style="list-style-type: none"> KH có địa chỉ thường trú (tại các tỉnh/thành phố trên lãnh thổ Việt Nam; và KH có nơi cư trú hiện tại và nơi phát sinh phương án vay vốn thuộc địa bàn như sau: <ul style="list-style-type: none"> Thuộc cùng Tỉnh/ Thành phố nơi ĐVKD cho vay trú đóng: không giới hạn khoảng cách đến ĐVKD cho vay; hoặc Thuộc các Tỉnh/ Thành phố trực thuộc Trung ương giáp ranh đường bộ với Tỉnh/ Thành phố trực thuộc Trung ương nơi đóng trụ sở của ĐVKD cho vay: cách ĐVKD cho vay trong vòng bán kính 70 km đối với khu vực TP.HCM/ Hà Nội và 50 km đối với các khu vực còn lại. 	<ul style="list-style-type: none"> Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn kèm hợp đồng tín dụng Tờ trình tín dụng. Hộ khẩu thường trú (đầy đủ các trang) hoặc KT3/Xác nhận tạm trú/ Chứng từ được quy định tại Phụ lục 01 	Kiểm tra tính chính xác, tuân thủ theo quy định của Pháp luật, OCB và sản phẩm.

Lưu hành nội bộ

3	Xếp hạng tín dụng (XHTD)	<ul style="list-style-type: none"> - OCB chỉ thực hiện cấp tín dụng cho các KH xếp hạng từ 1 đến 7. - ĐVKD thực hiện xếp hạng tín dụng theo Quyết định số 619/2022/QĐ-TGĐ v/v Quy định sử dụng công cụ xếp hạng tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Link thực hiện xếp hạng tín dụng: https://xhtd.ocb.com.vn/Home 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả xếp hạng tín dụng. 	Kiểm tra tính chính xác và tuân thủ theo điều kiện của sản phẩm.
4	Điều kiện vay và lịch sử trả nợ	<ul style="list-style-type: none"> - Không có nợ quá hạn tại OCB ở thời điểm phê duyệt khoản vay (căn cứ theo sao kê các khoản vay của KH tại OCB và nợ quá hạn được xét là nợ trễ hạn thanh toán từ 1 ngày trở lên); và - Không có nợ Nhóm 02 tại OCB và các TCTD khác trong vòng 12 tháng gần nhất; và - Không phát sinh nợ từ Nhóm 03 trở lên tại OCB và các TCTD khác trong vòng 36 tháng gần nhất; và - Không có nợ bán VAMC, không có nợ xử lý rủi ro tín dụng tính đến thời điểm thẩm định khoản vay. - Trường hợp số tiền quá hạn(*) tại OCB từ 5.000.0000 (năm triệu) đồng trở xuống và/ hoặc số tiền quá hạn(*) tại các TCTD khác từ 2.000.000 (hai triệu) đồng trở xuống (theo Văn bản xác nhận của TCTD số tiền quá hạn thực tế của KH): chấp nhận KH đã từng phát sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Số CMND trên CIC phải trùng khớp số trên CMND của KH, tra cứu toàn bộ các số CMND hoặc các giấy tờ tùy thân (CMND/Chứng minh thư quân đội/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu) nếu KH có nhiều giấy tờ tùy thân khác nhau. - Hiệu lực tra cứu CIC không quá 30 ngày tính tới thời điểm trình hồ sơ. 	Kiểm tra tính chính xác và tuân thủ theo điều kiện của sản phẩm.

Lưu hành nội bộ

		<p>nợ Nhóm 02 tại OCB và các TCTD khác trong vòng 12 tháng gần nhất hoặc nợ Nhóm 03 trở lên tại OCB và các TCTD khác trong vòng 36 tháng gần nhất với điều kiện số lần phát sinh quá hạn tối đa 1 lần và khách hàng đã hoàn tất thanh toán hết các khoản quá hạn (OCB: đơn vị vận hành tự tra cứu trên hệ thống nội bộ, TCTD khác: căn cứ Văn bản xác nhận của TCTD).</p> <p>(*) Số tiền quá hạn không phải là dư nợ, được xét là số tiền đến hạn thanh toán nhưng KH chưa thanh toán.</p> <p>Lưu ý: Thực hiện theo Quyết định 831.01/2023/QĐ-TGD ngày 28/08/2023 v/v ban hành Hướng dẫn nguyên tắc sử dụng CIC khi cấp tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).</p>		
5	Thu nhập tối thiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Thu nhập trung bình 06 tháng liên tục gần nhất thể hiện qua sao kê tài khoản hoặc VSSID (Bảo hiểm xã hội điện tử): <ul style="list-style-type: none"> + 10 triệu đồng/tháng tại Hà Nội/TP.HCM + 08 triệu đồng/tháng tại các Tỉnh/TP khác - Lưu ý: căn cứ theo địa điểm làm việc của KH để tính thu nhập tối thiểu 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn - Tờ trình tín dụng - Hồ sơ tài chính tại Phụ lục 01 	Kiểm tra tính chính xác và tuân thủ theo điều kiện của sản phẩm.
6	Nguồn thu nhập	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn thu nhập từ lương trả qua tài khoản Ngân hàng Phương Đông (OCB) hoặc qua tài khoản ngân hàng khác. Không chấp nhận các nguồn thu nhập khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn - Tờ trình tín dụng 	Kiểm tra tính chính xác và tuân thủ theo

Lưu hành nội bộ

		<ul style="list-style-type: none"> - Không nộp sao kê tài khoản: chấp nhận thu nhập thể hiện trên VSSID, trung bình 6 tháng liên tục gần nhất và được TT. TTĐ&PDTD chấp thuận. - ĐVKD thẩm định chứng từ nguồn thu từ lương theo Quyết định 734/2022/QĐ-TGD ngày 27/10/2022 v/v ban hành Hướng dẫn xác định nguồn thu nhập trả nợ của KHCHN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ tài chính tại Phụ lục 01 	điều kiện của sản phẩm.
7	DTI	<ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng chưa từng có quan hệ tín dụng (vay, thẻ tín dụng) (theo CIC): tối đa 65%. - Đã có quan hệ tín dụng (vay, thẻ tín dụng): <ul style="list-style-type: none"> + Khách hàng có thu nhập thuần (net) trung bình tối thiểu < 50 triệu/ tháng: tối đa 70% + Khách hàng có thu nhập thuần (net) trung bình tối thiểu từ 50 triệu/ tháng trở lên và có cam kết trả lương từ kỳ trả lương kế tiếp của Đơn vị trả lương về OCB: tối đa 75% + Các trường hợp khác: tối đa 65% - Xem xét DTI cho khoản vay lần này tính trên tổng thu nhập chứng minh được và tổng nghĩa vụ phải trả của KH và đảm bảo chi chí sinh hoạt tối thiểu 4,4 triệu đồng/tháng 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn - Tờ trình tín dụng - Hồ sơ tài chính tại Phụ lục 01 	Kiểm tra tính chính xác và tuân thủ theo điều kiện của sản phẩm.

Lưu hành nội bộ

		<ul style="list-style-type: none"> - DTI được cộng thêm 5% trường hợp khách hàng có xác nhận của Đơn vị trả lương cam kết trả lương vào tài khoản của KH mở tại OCB. - Cách xác định tổng thu nhập hàng tháng để tính DTI như sau: chỉ tính thu nhập từ lương qua tài khoản ngân hàng. Trường hợp lương khác nhau giữa các tháng, thì lấy mức thấp nhất là mức cơ sở tính DTI. - Hướng dẫn tính DTI thực hiện theo Quyết định 734/2022/QĐ-TGD ngày 27/10/2022 v/v ban hành Hướng dẫn xác định nguồn thu nhập trả nợ của KHCN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). 		
III	Phù hợp điều kiện, đặc tính của sản phẩm			
1	Mục đích sử dụng vốn vay	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu dùng, phục vụ nhu cầu đời sống của KH và/hoặc vợ/chồng/con KH phù hợp với quy định pháp luật. - Thanh toán phí bảo hiểm tín dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn. - Tờ trình tín dụng. 	Kiểm tra tính chính xác và tuân thủ theo điều kiện của sản phẩm.
2	Tỷ lệ tài trợ/phương án sử dụng vốn	<ul style="list-style-type: none"> - Tối đa 100% tổng nhu cầu vốn theo phương án của KH. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn - Tờ trình tín dụng 	Kiểm tra tính chính xác và tuân thủ theo điều kiện của sản phẩm.

Lưu hành nội bộ

3	Loại tiền	- VND	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn - Tờ trình tín dụng 	Kiểm tra tính chính xác và tuân thủ theo điều kiện của sản phẩm.
4	Mức tài trợ tối đa	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 10 triệu đồng, - Tối đa: <ul style="list-style-type: none"> + Khách hàng chưa từng có quan hệ tín dụng: 10 lần thu nhập trung bình 06 tháng gần nhất. + Đã có quan hệ tín dụng (vay, thẻ tín dụng): 15 lần thu nhập trung bình 06 tháng gần nhất. + Khách hàng có thu nhập thuần (net) trung bình tối thiểu từ 50 triệu trở lên và có văn bản cam kết trả lương của Đơn vị trả lương về OCB: 20 lần. Khối Bán lẻ kiểm soát tỷ lệ phê duyệt cho nhóm khách hàng có hạn mức > 15 lần và ≤ 20 lần này không vượt quá 30% trên tổng giá trị phê duyệt cho toàn bộ sản phẩm này. - Tổng hạn mức rủi ro tín chấp của KH (bao gồm khoản vay tín chấp hiện tại và khoản vay tín chấp đề xuất) tất cả sản phẩm tín chấp tại OCB: 1,5 tỷ đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn kèm hợp đồng tín dụng. - Tờ trình tín dụng. - Chứng từ chứng minh nguồn thu - Hồ sơ tài chính theo Phụ lục 01 - Thông báo phê duyệt 	Kiểm tra tính chính xác và tuân thủ theo điều kiện của sản phẩm.

Lưu hành nội bộ

5	Thời hạn cho vay	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 12 tháng, tối đa 60 tháng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn kèm hợp đồng tín dụng. - Tờ trình tín dụng. - Thông báo phê duyệt 	Kiểm tra tính chính xác và tuân thủ theo điều kiện của sản phẩm.
6	Phương thức cho vay	<ul style="list-style-type: none"> - Cho vay từng lần. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn kèm hợp đồng tín dụng. - Tờ trình tín dụng. - Thông báo phê duyệt 	Kiểm tra tính chính xác và tuân thủ theo điều kiện của sản phẩm.
7	Lãi suất, phí	<ul style="list-style-type: none"> - Lãi suất, phí trả nợ trước hạn áp dụng và thẩm quyền giảm lãi suất: theo quy định của OCB ban hành từng thời kỳ. - Lãi quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian quá hạn. - Lãi chậm trả: 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện điều khoản giao dịch chung - Tờ trình tín dụng. 	Kiểm tra tính chính xác và tuân thủ theo điều kiện của sản phẩm.
8	Phương thức giải ngân	<ul style="list-style-type: none"> - Phương thức giải ngân tuân thủ Quyết định số 449/2019/QĐ-TGD v/v ban hành Quy định về phương thức giải ngân vay vốn tại OCB và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện điều khoản giao dịch chung - Tờ trình tín dụng Biên bản cam kết không có TKTT của bên thụ hưởng (nếu giải ngân tiền mặt). 	Kiểm tra tính tuân thủ theo quy định của OCB và sản phẩm

Lưu hành nội bộ

9	Phương thức trả nợ	<ul style="list-style-type: none"> - KH có thể lựa 1 trong 2 phương thức trả nợ sau: <ul style="list-style-type: none"> + Gốc trả đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng theo dư nợ giảm dần; + Niên kim đều: gốc cộng lãi trả đều hàng tháng, trong đó lãi tính trên dư nợ giảm dần. Đây còn gọi là EMI (Equal Monthly Instalment). <p>Lưu ý:</p> <p>Ngày trả nợ được xác định là ngày trả lương gần nhất của khách hàng được xác định dựa trên sao kê được khách hàng cung cấp hoặc theo Quyết định của Giám Đốc Khối Bán lẻ ban hành trong từng thời kỳ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn kèm hợp đồng tín dụng. - Tờ trình tín dụng 	Kiểm tra tính chính xác và tuân thủ theo điều kiện của sản phẩm.
10	Tài sản bảo đảm	<ul style="list-style-type: none"> - Không có tài sản bảo đảm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình tín dụng. 	Kiểm tra tính tuân thủ theo quy định của OCB và sản phẩm
11	Bảo hiểm bảo an tín dụng (không bắt buộc)	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp KH tham gia bảo hiểm để đảm bảo rủi ro cho khoản vay của KH tại OCB (thông tin bên thụ hưởng là OCB). Việc KH có hay không mua bảo hiểm này không phải là điều kiện để xem xét, quyết định việc cho vay, giải ngân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình tín dụng. - Thông báo phê duyệt 	Kiểm tra tính tuân thủ theo quy định của OCB và sản phẩm

Lưu hành nội bộ

		- Trường hợp KH không tham gia bảo hiểm, để đảm bảo rủi ro thì được áp dụng mức lãi suất cao hơn cộng (+) 3%/ năm.		
12	Điều kiện khác	<p>- KH phát sinh dư nợ không có TSBĐ (không bao gồm thẻ tín dụng) tại tối đa 03 TCTD/ Công ty tài chính khác (bao gồm OCB) và có không quá 03 thẻ tín dụng (căn cứ thông qua hệ thống CIC)³. Tổng ngưỡng rủi ro tín dụng không TSBĐ của KH tại OCB và các TCTD khác bao gồm khoản vay lần này không vượt quá 1.5 tỷ đồng.</p> <p>Lưu ý: Trường hợp KH phát sinh dư nợ không có TSBĐ và có số lượng thẻ tín dụng lớn hơn quy định trên và đồng ý tất toán trước khi giải ngân tại OCB, Trường đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra các chứng từ chứng minh KH đã tất toán khoản vay/ thẻ tín dụng trước khi giải ngân.</p>	<p>- Tờ trình tín dụng.</p> <p>- Thông tin CIC</p>	Kiểm tra tính tuân thủ theo quy định của OCB và sản phẩm
IV. Danh mục hồ sơ				
1	Danh mục hồ sơ	- Áp dụng danh mục hồ sơ theo Phụ lục 01	- Toàn bộ giấy tờ, chứng từ trong bộ hồ sơ tín dụng	Kiểm tra tính chính xác và tuân thủ theo điều

³ KH có dư nợ tại Công ty tài chính vẫn áp dụng theo chỉ thị số: 173.01/2023/CT-TGD ngày 14/03/2023 v/v xem xét khi cấp tín dụng đối với KHCN vay vốn tại Công ty tài chính

Lưu hành nội bộ

				kiện của sản phẩm.
V	Hồ sơ cấp tín dụng			
1	Hồ sơ cấp tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> Áp dụng danh mục hồ sơ theo Phụ lục 01 và Phụ lục 02 	<ul style="list-style-type: none"> Tờ trình tín dụng. Thông báo phê duyệt. Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn Hợp đồng tín dụng kèm Khế ước nhận nợ Chứng từ rút tiền. 	Kiểm tra tính chính xác và tuân thủ theo quy định của Pháp luật, OCB và sản phẩm.
VI	Hồ sơ quản lý nợ			
1	Theo dõi sau giải ngân của Phòng Kiểm soát tuân thủ	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện kiểm soát sau vay theo Phụ lục D2 – Quy trình giám sát thực hiện các điều kiện phê duyệt sau khi cấp tín dụng được ban hành kèm theo Quyết định số 592/2020/QĐ-TGD và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định số 592/2020/QĐ-TGD và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) 	Kiểm tra tính tuân thủ theo quy định của OCB và sản phẩm.
2	Theo dõi sau giải ngân của ĐVKD	<ul style="list-style-type: none"> ĐVKD thực hiện kiểm soát sau vay theo Phụ lục E- Quy trình theo dõi, kiểm tra khoản cấp tín dụng được ban hành kèm theo Quyết định số 592/2020/QĐ-TGD và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Trong suốt quá trình cho vay, ĐVKD có trách nhiệm theo dõi tính hình trả nợ và tình hình tài 	<ul style="list-style-type: none"> Chứng từ thu nợ, thu phí. Biên bản kiểm tra sau cho vay, kiểm tra định kỳ theo quy định OCB và các hồ sơ kèm theo (nếu có) 	Kiểm tra tính tuân thủ theo quy định của OCB và sản phẩm.

Lưu hành nội bộ

		chính của KH. ĐVKD có trách nhiệm theo dõi, giám sát khoản vay của KH. Trường hợp phát sinh nợ quá hạn, yêu cầu KH hoàn tất thủ tục theo quy định OCB và Ngân hàng Nhà nước hoặc thu hồi nợ trước hạn.		
3	Phương án thu hồi nợ	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo quyết định 36/2022/QĐ-TGD v/v Quy định xử lý nợ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo nhắc nợ. - Thông báo thu hồi nợ. - Thông báo chuyển nợ quá hạn. - Thư mời, biên bản làm việc với KH. - Giấy đề nghị/tờ trình/phê duyệt cơ cấu nợ 	Kiểm tra tính tuân thủ theo quy định của pháp luật và của OCB.
4	Ngưỡng kiểm soát nợ nhóm 2 và nợ xấu	<p><u>Đối với KH nhận lương qua tài khoản ngân hàng OCB:</u></p> <p>a. Dựa trên thông tin khoản vay tại OCB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngưỡng cảnh báo rủi ro của SP (chưa bao gồm thông tin nhóm nợ theo CIC) <ul style="list-style-type: none"> + Tỷ lệ nợ nhóm 2: 2% + Tỷ lệ nợ xấu: 3,5% - Ngưỡng kiểm soát rủi ro của SP (chưa bao gồm thông tin nhóm nợ theo CIC) 	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ số liệu nợ xấu, nợ quá hạn trên hệ thống hoặc số liệu do P.QLKD cung cấp. - Báo cáo chất lượng sản phẩm của bộ phận Chính sách tín dụng. 	Kiểm tra tính tuân thủ theo quy định của pháp luật và của OCB.

Lưu hành nội bộ

		<ul style="list-style-type: none"> + Tỷ lệ nợ nhóm 2: 2,5% + Tỷ lệ nợ xấu: 4% <p>b. Dựa trên thông tin CIC, bao gồm thông tin khoản vay tại tất cả các TCTD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngưỡng cảnh báo rủi ro của SP (bao gồm thông tin nhóm nợ theo CIC) <ul style="list-style-type: none"> + Tỷ lệ nợ nhóm 2: 3% + Tỷ lệ nợ xấu: 5% - Ngưỡng kiểm soát rủi ro của SP (chưa bao gồm thông tin nhóm nợ theo CIC) <ul style="list-style-type: none"> + Tỷ lệ nợ nhóm 2: 3,5% + Tỷ lệ nợ xấu: 5,5% <p>P.SPCV sẽ kiểm soát ngưỡng rủi ro của sản phẩm theo cả 2 nhóm: nợ quản trị có CIC và nợ quản trị không có CIC.</p> <p><u>Đối với KH nhận lương qua tài khoản ngân hàng khác:</u></p> <p>a. Dựa trên thông tin khoản vay tại OCB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngưỡng cảnh báo rủi ro của SP (chưa bao gồm thông tin nhóm nợ theo CIC) 		
--	--	---	--	--

Lưu hành nội bộ

		<ul style="list-style-type: none"> + Tỷ lệ nợ nhóm 2: 2% + Tỷ lệ nợ xấu: 3,5% - Ngưỡng kiểm soát rủi ro của SP (chưa bao gồm thông tin nhóm nợ theo CIC) + Tỷ lệ nợ nhóm 2: 2,5% + Tỷ lệ nợ xấu: 4% <p>b. Dựa trên thông tin CIC, bao gồm thông tin khoản vay tại tất cả các TCTD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngưỡng cảnh báo rủi ro của SP (bao gồm thông tin nhóm nợ theo CIC) + Tỷ lệ nợ nhóm 2: 3% + Tỷ lệ nợ xấu: 5% - Ngưỡng kiểm soát rủi ro của SP (chưa bao gồm thông tin nhóm nợ theo CIC) + Tỷ lệ nợ nhóm 2: 3,5% + Tỷ lệ nợ xấu: 5,5% <p>P.SPCV sẽ kiểm soát ngưỡng rủi ro của sản phẩm theo cả 2 nhóm: nợ quản trị có CIC và nợ quản trị không có CIC.</p>		
--	--	--	--	--

Lưu hành nội bộ

5	Biện pháp kiểm soát, xử lý rủi ro	<ul style="list-style-type: none"> - Cảnh báo sớm: Sau 3 tháng triển khai, Phòng SPCV tín chấp rà soát các khoản vay MOB3+ và/ hoặc MOB6+ theo từng ĐVKD của từng Khu vực và quyết định ĐVKD có được tiếp tục bán hay không dựa trên tỷ lệ nợ quá hạn 30+ từ 1,5% trở lên. Giao GDK Bán lẻ quy định các tỷ lệ kiểm soát theo định hướng kinh doanh. - Áp dụng theo Quyết định 158.01/2023/QĐ-TGĐ v/v ban hành Quy định kiểm soát ngưỡng rủi ro đối với sản phẩm và chương trình tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ số liệu nợ xấu, nợ quá hạn trên hệ thống hoặc số liệu do P.QLKD cung cấp. - Báo cáo chất lượng sản phẩm của bộ phận Chính sách tín dụng. 	Kiểm tra tính tuân thủ theo quy định của pháp luật và của OCB.
---	-----------------------------------	--	--	--

Lưu hành nội bộ

MẪU BIỂU 01

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN KIÊM PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN*(Dành cho khách hàng cá nhân vay tiêu dùng không tài sản bảo đảm)***A. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG VAY****1. Thông tin chung**

Họ và tên*:

Ngày sinh*: / /

Giới tính*: ☐ Nam ☐ NữQuốc tịch*: ☐ Việt Nam ☐ Khác:Tình trạng hôn nhân*: ☐ Đã kết hôn ☐ Độc thân ☐ Ly hôn

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu*:

Ngày cấp*: / /

Nơi cấp*: ☐ Cục trưởng Cục CS quản lý HC về TTXH☐ Cục trưởng Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư☐ Cục Quản lý xuất nhập cảnh☐ Khác: (vui lòng ghi rõ)

Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu trước đây (nếu có):

Mã số thuế cá nhân*:

Địa chỉ thường trú*:

Địa chỉ cư trú hiện tại*:

Điện thoại di động*:

Địa chỉ thư điện tử (email) *:

2. Thông tin liên lạc của người thân

	Người liên hệ trong trường hợp khẩn cấp*	Người liên hệ khác*
Họ và tên*
Mối quan hệ với khách hàng*	<input type="checkbox"/> Vợ/ Chồng <input type="checkbox"/> Bố/ Mẹ <input type="checkbox"/> Anh/ Chị <input type="checkbox"/> Đồng nghiệp <input type="checkbox"/> Khác:	<input type="checkbox"/> Vợ/ Chồng <input type="checkbox"/> Bố/ Mẹ <input type="checkbox"/> Anh/ Chị <input type="checkbox"/> Đồng nghiệp <input type="checkbox"/> Khác:
Điện thoại di động*		

Lưu hành nội bộ

--	-------	-------

B. THÔNG TIN NGUỒN THU NHẬP VÀ NGHĨA VỤ VAY

1. Thông tin nghề nghiệp

Tên đơn vị đang công tác*: Mã số thuế*:

Địa chỉ nơi làm việc*:

Điện thoại cố định: Mã số nội bộ (ext):

Loại hình hợp đồng lao động hiện tại*: ☐ Không thời hạn ☐ Có thời hạn: tháng

Thời gian làm việc ở đơn vị hiện tại*: tháng

Chức vụ*: ☐ Nhân viên ☐ Trưởng nhóm ☐ Quản lý/ Trưởng/ Phó phòng
☐ Giám đốc ☐ Khác: vui lòng nêu rõ

2. Thông tin thu nhập

Thu nhập từ lương*: VNĐ/ tháng

Ngày nhận lương hàng tháng:

Thu nhập khác: VNĐ/ tháng

TỔNG THU NHẬP*: VNĐ/ tháng

3. Các nghĩa vụ nợ vay và thẻ tín dụng hiện hữu*:

Tên TCTD	Phương thức vay	Số tiền vay/ hạn mức thẻ tín dụng (VNĐ)	Dư nợ hiện tại (VNĐ)	Khoản phải trả hàng tháng (VNĐ)	Tất toán trước khi giải ngân
VD: Vietcombank	Thẻ tín dụng	50.000.000	40.000.000	2.500.000	<input type="checkbox"/> Tất toán <input type="checkbox"/> Không
.....	<input type="checkbox"/> Tất toán <input type="checkbox"/> Không
.....	<input type="checkbox"/> Tất toán <input type="checkbox"/> Không

C. THÔNG TIN KHOẢN VAY*

TỔNG NHU CẦU VỐN (1)

Lưu hành nội bộ

.....
Vốn tự có (2).....
Vốn vay đề nghị**(3) = (1) – (2)****Vốn vay đề nghị (Bằng chữ)****Thời gian sử dụng vốn** tháng**Thời gian vay vốn** tháng**Lãi suất tạm tính** %/ năm (một năm là 365 ngày)**D. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN****Mục đích vay vốn*:**

- 1. Tiêu dùng:**
- ☐ Xây dựng, sửa chữa nhà
 - ☐ Mua sắm trang thiết bị nội thất
 - ☐ Học tập, khám chữa bệnh trong nước
 - ☐ Học tập, khám chữa bệnh ngoài nước
 - ☐ Khác:

- 2. Mua và thanh toán Bảo Hiểm Tín Dụng Bảo An (không bắt buộc):** ☐ Không ☐ Có

Phương thức giải ngân*:

- Đối với số tiền cho vay vốn:

☐ Giải ngân vào Tài khoản của Bên thụ hưởng, Tôi nhận nợ từ thời điểm OCB giải ngân vào Tài khoản của Bên Thụ hưởng với thông tin sau:

- Tên tài khoản
- Số tài khoảntại Ngân hàng

☐ Giải ngân vào Tài khoản của Tôi mở tại OCB, Tôi nhận nợ từ thời điểm OCB giải ngân tiền vay vào Tài khoản thanh toán của Tôi.

Lưu hành nội bộ

- Số tài khoản

☐ Giải ngân vốn vay bằng tiền mặt cho Tôi.

Tôi sẽ cung cấp các tài liệu, chứng từ theo đúng quy định và yêu cầu của OCB để thực hiện việc giải ngân vốn vay bằng tiền mặt.

- Đối với số tiền cho vay mua Bảo Hiểm Tín Dụng Bảo An: OCB chuyển khoản vào tài khoản của công ty bảo hiểm .

Phương án và ngày trả nợ:

☐ Gốc cộng lãi trả đều hàng tháng, trong đó lãi tính trên dư nợ giảm dần (Niên kim đều)

- Ngày trả nợ hàng tháng là ngày giải ngân

☐ Trả gốc đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng theo dư nợ giảm dần

- Ngày trả nợ là: ☐ Ngày 20 hàng tháng ☐ Ngày 25 hàng tháng

E. THÔNG TIN CÁ NHÂN/TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐANG QUAN HỆ TÍN DỤNG TẠI OCB*

Theo quy định tại Thông tư 22/2019/TT-NHNN v/v Quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế trong từng thời kỳ).

☐ Không có cá nhân/tổ chức liên quan đang quan hệ tín dụng tại OCB.

☐ Có cá nhân/ tổ chức liên quan đang quan hệ tín dụng tại OCB. (Vui lòng cung cấp họ tên, mối quan hệ, CMND/ Số GCN ĐKKD/ GP ĐT/ MST)

.....
.....
.....

F. XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG VAY:

1. Tôi cam kết rằng những thông tin đã kê khai trong Giấy đề nghị này và các tài liệu, chứng từ mà Tôi cung cấp cho OCB là chính xác, trung thực và cập nhật nhất. Tôi cam kết chịu trách nhiệm trước OCB và pháp luật nếu có bất kỳ thông tin nào là không trung thực/không chính xác.
2. Tôi, theo đây, cho phép OCB được lưu giữ lại tất cả những giấy tờ có liên quan đã được Tôi nộp cho OCB và cập nhật thông tin trong hệ thống của OCB và áp dụng những thông tin này cho tất cả sản phẩm, dịch vụ mà Tôi đang sử dụng tại OCB trong trường hợp khoản vay được phê duyệt và giải ngân.

Lưu hành nội bộ

3. Tôi cam kết sẽ thông báo, cập nhật thông tin với OCB ngay khi có thay đổi và đồng ý rằng những thông tin cập nhật đó sẽ có hiệu lực áp dụng và thay thế mọi thông tin mà Tôi đã cung cấp cho OCB trước đây. Tôi đồng ý thêm rằng, OCB có quyền gửi cho tôi bất kỳ thông báo, xác nhận hoặc tài liệu nào liên quan đến Giấy đề nghị này đến (các) địa chỉ email mà Tôi đăng ký tại Giấy đề nghị này hoặc (các) địa chỉ email mà Tôi có thể cập nhật với OCB tại từng thời điểm; và rằng các thông báo, xác nhận hoặc tài liệu này sẽ có hiệu lực, giá trị pháp lý và thi hành như thể được ký bằng văn bản.
4. Tôi xác nhận và đồng ý để OCB:
 - a) Cung cấp và trao đổi các thông tin do Tôi cung cấp hoặc OCB có được trong quá trình cấp tín dụng cho các cá nhân và/hoặc tổ chức khác nhằm mục đích thẩm định, phê duyệt cấp tín dụng cho Tôi hoặc cho việc quản lý khoản vay, thu hồi nợ, nghiên cứu, cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm của OCB.
 - b) Tìm kiếm, thu thập, xác minh, sử dụng thông tin của Tôi từ bất kỳ cá nhân và/hoặc tổ chức nào khác nhằm phục vụ cho mục đích như trên.
5. Tôi khẳng định rằng, Tôi không đứng tên vay hộ người khác (một phần hoặc toàn bộ khoản vay).
6. Tôi hiểu và đồng ý rằng, những sản phẩm và dịch vụ được đăng ký/ nộp cùng với hồ sơ vay sẽ không được xử lý khi hồ sơ đề nghị vay vốn của Tôi bị OCB từ chối cho vay.
7. Tôi khẳng định rằng, Tôi không trong tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn tại thời điểm nộp Giấy đề nghị này.
8. Tôi xác nhận các yêu cầu của Tôi về số tiền đề nghị vay, thời hạn vay, lãi suất vay nêu tại phần này chỉ mang tính chất dự kiến theo thông tin do Tôi cung cấp. Số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất vay và các nội dung khác liên quan đến khoản vay sẽ được OCB xem xét và quyết định sau khi OCB tiến hành thẩm định và phê duyệt theo quy định của OCB từng thời kỳ. Tôi tự nguyện đồng ý với các quyết định của OCB và cam kết không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện, tranh chấp gì với OCB về nội dung này.
9. Tôi hiểu và đồng ý rằng, nếu Tôi còn nhận lương qua tài khoản tại OCB hoặc Tôi thuộc đối tượng khách hàng được hưởng các lãi suất hoặc biểu phí ưu đãi được OCB quy định trong từng thời kỳ, thì OCB có thể áp dụng lãi suất hoặc biểu phí ưu đãi. Trong trường hợp Tôi không còn nhận lương qua tài khoản tại OCB hoặc không còn đáp ứng các điều kiện để áp dụng lãi suất, biểu phí ưu đãi, thì OCB có quyền áp dụng lãi suất và/ hoặc thu phí theo biểu phí của OCB dành cho khách hàng thông thường.
10. Tôi hiểu và đồng ý rằng, OCB có quyền thông báo với người sử dụng lao động của Tôi về quá trình thực

hiện khoản vay và đề nghị người sử dụng lao động hỗ trợ OCB trong việc đảm bảo khoản vay của Tôi được thanh toán đúng hạn.

11. OCB sẽ thực hiện giải ngân vốn vay theo thỏa thuận, điều kiện và điều khoản về giải ngân được quy định trong Hợp đồng tín dụng được kết ký giữa OCB và Tôi .

TÔI ĐÃ ĐỌC, HIỂU VÀ ĐỒNG Ý TẤT CẢ CÁC THÔNG TIN VÀ NHỮNG ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN NÊU TRÊN.

<p>Ngày tháng năm</p> <p>Khách Hàng Vay</p> <p>(Ký và ghi họ tên)</p>	<p>Ngày tháng năm</p> <p>Đại diện OCB</p> <p>(Ký và ghi họ tên, đóng dấu)</p>
--	--

Lưu hành nội bộ

MẪU BIỂU 02
HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG KIỂM KHẾ ƯỚC NHẬN NỢ
Số: _____/20_____/

Hôm nay,/...../....., tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh/Phòng Giao dịch, Chúng tôi gồm có:

BÊN CHO VAY:

Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh/Phòng giao dịch

Địa chỉ:

MSDN:

Điện thoại:

Website: <https://www.ocb.com.vn>

Do ông/bà:.....

Chức vụ làm đại diện.

Theo ủy quyền: Số ngày/...../..... của

(Sau đây được gọi là **“OCB”** và OCB cũng được hiểu là Ngân hàng TMCP Phương Đông hoặc bất kỳ đơn vị nào trong hệ thống Ngân hàng TMCP Phương Đông)

BÊN VAY:

Ông/bà:;

Năm sinh:/...../.....

Địa chỉ:

Điện thoại:

CCCD/CMND/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../.....

Nơi cấp: ☐ Cục trưởng Cục CS quản lý HC về TTXH

☐ Cục trưởng Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

☐ Cục Quản lý xuất nhập cảnh

☐ Khác: (vui lòng ghi rõ)

Các bên cùng ký Hợp đồng tín dụng kiểm Khế ước nhận nợ này (sau đây gọi là **“Hợp Đồng”**) với Điều Kiện Và Điều Khoản Giao Dịch Chung (nêu tại Phần II) và Khế Ước Nhận Nợ (nêu tại Phần I) Hợp Đồng này để xác nhận việc vay vốn của Bên Vay như sau:

I. KHẾ ƯỚC NHẬN NỢ (KUNN)

Lưu hành nội bộ

Bên Vay nhận nợ với OCB với các nội dung sau:

1. Số tiền vay:

Bằng chữ.....

Đồng tiền cho vay: Việt Nam Đồng (VNĐ)

2. Mục đích vay vốn:

3. Thời gian vay vốn: tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân.

Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày:/...../.....

4. Ngày giải ngân:/...../.....⁴

5. Phí cấp tín dụng:

5.1 Phí trả nợ trước hạn (Phí TNTH): Trường hợp Bên Vay được OCB đồng ý cho trả nợ trước hạn đối với khoản vay theo KUNN này, Bên Vay phải thanh toán cho OCB khoản phí trả nợ trước hạn như sau:

Thời gian vay (tính từ ngày giải ngân đầu tiên)	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5
Phí trả nợ trước hạn (tính trên số tiền trả nợ trước hạn)%%%%%

5.2 Các loại phí khác:

- Phí cam kết rút vốn:

- Các khoản phí khác:

5.3 Các khoản phí nêu tại khoản 4.1, khoản 4.2 trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) và các mức phí trên có thể thay đổi theo quy định của OCB trong từng thời. **Việc thu thuế giá trị gia tăng (VAT) (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm OCB thực hiện thu phí.**

5.4 Việc **thu phí sẽ được ưu tiên thu trước các khoản phạt, nợ gốc, lãi của Bên vay.**

6. Lãi suất cho vay trong hạn và Cơ chế điều chỉnh lãi suất:

☐ Lãi suất cố định như sau:%/năm.

⁴ Ngày giải ngân có thể ghi trùng ngày với ngày ký KUNN hoặc một ngày trong tương lai trong trường hợp KH thuộc trường hợp được giải ngân khác ngày ký KUNN.

Lưu hành nội bộ

☐ Lãi suất như sau:

- Trong tháng đầu tiên: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là:%/năm.
- Từ tháng trở đi: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ tháng/lần (sau đây gọi là “Kỳ điều chỉnh lãi suất”). Kỳ điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày/...../..... theo công thức tính lãi như sau:

Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất tham chiếu (i) + Biên độ tối thiểu (ii)

Trong đó:

(i) Lãi suất tham chiếu là: %/năm

(ii) Biên độ tối thiểu là: %/năm

☐ Điều khoản bổ sung khi áp dụng Lãi suất ưu đãi:

Trường hợp phát sinh bất kỳ sự kiện vi phạm nào sau đây thì được xem là Bên Vay đã vi phạm cam kết/thỏa thuận với OCB:

- a. Bên Vay phát sinh nợ quá hạn từ 01 (một) ngày trở lên đối với bất kỳ khoản vay nào tại OCB (bao gồm nợ gốc, lãi, phí và các khoản phải trả khác theo Hợp Đồng Tín Dụng và/hoặc bất kỳ khoản vay nào khác tại OCB);
- b. Bên Vay phát sinh nợ quá hạn trong vòng 12 tháng gần nhất tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;

Lãi suất cho vay ưu đãi đang được áp dụng cho Bên Vay sẽ được điều chỉnh thành lãi suất cho vay thông thường (theo quy định dưới đây) vào ngày liền kề kể từ ngày phát sinh vi phạm (nếu ngày liền kề trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ thì sẽ được điều chỉnh vào ngày làm việc đầu tiên sau ngày nghỉ, ngày lễ). Bên Vay chấp nhận mức lãi suất mới kể từ thời điểm OCB thực hiện việc điều chỉnh và cam kết không có bất kỳ sự tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện gì về vấn đề này. Trường hợp Bên Vay không đồng ý với mức lãi suất điều chỉnh, Bên Vay có quyền trả nợ trước hạn (bao gồm phí trả nợ trước hạn (nếu có)) cho OCB.

Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất tham chiếu (i) + Biên độ tối thiểu (ii)

Trong đó:

(i) Lãi suất tham chiếu là: %/năm

(ii) Biên độ tối thiểu là: %/năm

7. Phương thức giải ngân:

☐ Bằng tiền mặt, số tiền: đồng

Bằng chữ.....

Lưu hành nội bộ

☐ Chuyển khoản, số tiền: đồng

Bằng chữ..... vào tài
khoản bên thụ hưởng như sau:

- Tên tài khoản

- Số tài khoản Tại Ngân Hàng:

- Nội dung chuyển tiền:

☐ Phương thức khác, cụ thể như sau:

.....

8. Bên Vay phải trả cho OCB lãi vay và nợ gốc theo phương án cụ thể như sau:

☐ Gốc cộng lãi trả đều hàng tháng, trong đó lãi tính trên dư nợ giảm dần (Niên kim đều)

- Ngày trả nợ hàng tháng là ngày giải ngân
- Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày/...../.....

☐ Trả gốc đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng theo dư nợ giảm dần

- Ngày trả nợ là: ☐ Ngày 05 hàng tháng ☐ Ngày 10 hàng tháng
- Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày/...../.....

II. ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG

Bản Điều khoản và điều kiện giao dịch chung về vay từng lần không có tài sản bảo đảm (“**Điều Khoản Và Điều Kiện Giao Dịch Chung**”) cùng với Khế ước nhận nợ tạo thành một Hợp Đồng Tín Dụng giữa OCB và Bên Vay.

Điều 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1. “**Hợp Đồng**”: Là tập hợp bao gồm Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn, Hợp đồng tín dụng kèm Khế ước nhận nợ này và những tài liệu khác có liên quan đến giao dịch vay vốn của Bên Vay tại OCB, bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung, phụ lục đính kèm của các tài liệu này.
2. “**Các Bên**”: Là OCB và Bên Vay.
3. “**Bên Thứ Ba**”: Là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác mà không phải là Các Bên theo Hợp Đồng này.
4. “**Khoản Trả Hàng Tháng**”: Là số tiền Bên Vay phải thanh toán để trả nợ cho OCB hàng tháng, bao gồm nợ gốc, lãi và các khoản phát sinh khác (nếu có).
5. “**Lịch Trả Nợ Dự Kiến**”: Là bản thông tin giúp Bên Vay biết được Khoản Trả Hàng Tháng

Lưu hành nội bộ

và ngày thanh toán hàng tháng. Lịch Trả Nợ Dự Kiến sẽ được gửi bằng tin nhắn đến số điện thoại di động do Bên Vay cung cấp.

6. Các từ ngữ/thuật ngữ khác mà chưa được định nghĩa ở phần này thì được hiểu theo quy định của pháp luật về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và các quy định có liên quan.

Điều 2. SỐ TIỀN VAY, LÃI SUẤT VAY

1. Các Bên đồng ý rằng số tiền cho vay, đồng tiền cho vay, thời hạn cho vay, mục đích sử dụng vốn vay của Bên Vay, lãi suất và các thông tin cụ thể khác của khoản vay sẽ được thực hiện theo Khế Ước Nhận Nợ (tại Phần I của Hợp Đồng).

2. Lãi suất và phương pháp tính lãi:

- 2.1. Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm có 365 ngày. Cụ thể:

$$\text{Số tiền lãi phải trả} = \frac{\text{Số dư nợ thực tế tính lãi} \times \text{Số ngày thực tế của kỳ tính lãi} \times \text{Lãi suất (\%/năm)}}{365}$$

- 2.2. Tiền lãi được tính từ ngày OCB giải ngân khoản vay hoặc ngày tiếp theo ngày giải ngân khoản vay theo lựa chọn của OCB phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- 2.3. Khi đến hạn thanh toán mà Bên Vay không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay thì Bên Vay phải trả lãi tiền vay như sau:

- a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả.
- b) Trường hợp Bên Vay không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại Điều 2.2, thì phải trả thêm Lãi chậm trả theo mức lãi suất là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- c) Trường hợp khoản vay bị chuyển nợ quá hạn thì còn phải trả thêm Lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- 2.4. Đối với khoản vay áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh: thực hiện theo thỏa thuận tại Khế Ước Nhận Nợ.

Điều 3. PHƯƠNG THỨC CHO VAY, PHƯƠNG THỨC GIẢI NGÂN

1. Phương thức cho vay theo Hợp Đồng này là cho vay từng lần. Bên Vay hiểu rằng OCB có thể từ chối cho vay hoặc OCB có thể chỉ chấp thuận một phần yêu cầu của Bên Vay về số tiền vay, lãi suất và kỳ hạn trả nợ của Bên Vay sau khi OCB tiến hành thẩm định, phê duyệt theo quy định của OCB và chỉ giải ngân khi Bên Vay đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện cấp tín dụng theo quy định của OCB.
2. Việc giải ngân bằng tiền mặt hay sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt là do OCB quyết định trên cơ sở Bên Vay cung cấp chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn phù

Lưu hành nội bộ

hợp với quy định của pháp luật.

3. Bên Vay nhận nợ với OCB ngay tại thời điểm OCB giải ngân.
4. Thời hạn thực hiện giải ngân tối đa là 30 ngày kể từ ngày phát hành Thông báo cho vay. Sau thời điểm này, OCB có quyền từ chối các yêu cầu giải ngân của Bên Vay.
5. OCB có quyền từ chối giải ngân/ngưng giải ngân trong trường hợp việc giải ngân sẽ dẫn đến OCB vi phạm hoặc có khả năng vi phạm các quy định Pháp luật, các quy định, hướng dẫn, chỉ thị của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc vì lý do khách quan theo điều kiện thị trường, tình hình nguồn vốn của OCB.

Điều 4. TRẢ NỢ GỐC, LÃI VÀ PHÍ

1. Đồng tiền trả nợ là Đồng Việt Nam (VNĐ).
2. Ngày thanh toán gốc và lãi: theo Khế ước nhận nợ.
3. Phương thức trả nợ: Bên Vay có thể thanh toán nợ vay bằng tiền mặt, thanh toán thông qua tài khoản hoặc thông qua các phương thức thu nợ khác do OCB triển khai từng thời kỳ.
 - 3.1. Bên Vay phải mở tài khoản thanh toán tại OCB và bảo đảm rằng tài khoản này có đủ số dư để OCB tự động thu nợ khi đến hạn (bao gồm cả Khoản Trả Hàng Tháng). Bằng việc ký kết Hợp Đồng này, Bên Vay đồng ý và ủy quyền cho OCB tự động phong tỏa/trích tiền từ bất kỳ tài khoản nào của Bên Vay mở tại OCB để thu nợ hoặc để bảo đảm thu nợ khi đến hạn thanh toán.
 - 3.2. Nếu tài khoản của Bên Vay có loại tiền khác với VNĐ thì OCB sẽ quy đổi ngoại tệ trên tài khoản của Bên Vay theo tỷ giá mua mà OCB đang áp dụng tại thời điểm đó để thu nợ. Trong trường hợp cần thiết, Bên Vay có trách nhiệm ký, hoàn thiện các chứng từ mua, bán ngoại tệ theo quy định và/hoặc theo yêu cầu của OCB.
4. Thứ tự thu hồi nợ:

OCB có toàn quyền quyết định thứ tự thu hồi nợ (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn; nợ gốc, lãi quá hạn, các khoản phí, tiền phạt vi phạm, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải trả khác (nếu có)) theo quy định của OCB trong từng thời kỳ. OCB sẽ ưu tiên thu phí, các khoản phạt, bồi thường thiệt hại, các khoản phải trả khác trước các khoản thu nợ gốc, lãi; trên cơ sở bảo đảm thứ tự thu hồi nợ gốc, lãi theo nguyên tắc sau:

- 4.1. Trường hợp khoản nợ trong hạn: thu theo thứ tự thu lãi trước, gốc sau.
- 4.2. Trường hợp khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ:
 - i. Thu theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau.
 - ii. Đối với khoản nợ vay có một hoặc một số kỳ hạn trả nợ bị quá hạn, OCB thực hiện thu nợ theo thứ tự thu nợ gốc đã quá hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, thu nợ gốc đến hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả.
- 4.3. Trường hợp Bên Vay chỉ chậm trả lãi: OCB thu phần lãi chậm trả tính trên số dư tiền lãi

Lưu hành nội bộ

chậm trả trước khoản lãi không trả đúng hạn.

5. Phí cấp tín dụng:

- a) Nếu Bên Vay trả nợ trước hạn thì phải thanh toán cho OCB phí trả nợ trước hạn theo thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ.
- b) Các khoản phí đã được OCB thu sẽ không được hoàn trả lại vì bất kỳ lý do gì, trừ trường hợp phải hoàn trả theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bên Vay không trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi vay, phí (bao gồm cả trường hợp OCB thu hồi nợ trước hạn) hoặc vi phạm các thỏa thuận khác với OCB thì OCB được quyền thực hiện một, nhiều hoặc tất cả các biện pháp sau:

- a) Phong tỏa tài khoản của Bên Vay (bao gồm tài khoản thanh toán, thẻ tiết kiệm, hợp đồng tiền gửi, sau đây gọi chung là “Tài Khoản”) tại OCB hoặc yêu cầu tổ chức tín dụng nơi Bên Vay có Tài Khoản thực hiện phong tỏa và/hoặc tự động trích tiền từ bất kỳ Tài Khoản nào của Bên Vay tại OCB để thu hồi nợ và/hoặc đề nghị tổ chức tín dụng nơi Bên Vay có Tài Khoản trích tiền từ Tài Khoản để chuyển khoản thanh toán nợ cho OCB. Bằng việc ký kết Hợp Đồng này, Bên Vay đồng ý ủy quyền không hủy ngang cho OCB được yêu cầu các tổ chức tín dụng khác trích tiền từ Tài Khoản của Bên Vay tại tổ chức tín dụng đó về tài khoản của Bên Vay tại OCB để thu hồi nợ. Nếu dư nợ cần thanh toán của Bên Vay là loại tiền khác so với loại tiền được trích từ Tài Khoản của Bên Vay thì tỷ giá quy đổi từ loại tiền được trích từ Tài Khoản là tỷ giá do OCB mua vào được xác định vào thời điểm thu nợ.
- b) Xử lý tài sản bảo đảm (nếu có), tài sản khác của Bên Vay và áp dụng mọi biện pháp cần thiết theo quy định pháp luật để thu hồi nợ vào bất kỳ thời điểm nào.
- c) Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với OCB thì Bên Vay có trách nhiệm tiếp tục hoàn trả đầy đủ khoản nợ cho OCB.

Điều 5. CƠ CẤU LẠI THỜI HẠN TRẢ NỢ, CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN

- 1. Đến hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi, nếu Bên Vay chưa có khả năng trả nợ, thì phải gửi giấy đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho OCB. Thời hạn gửi đề nghị chậm nhất là 07 ngày làm việc trước mỗi kỳ hạn trả nợ. Giấy đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ phải nêu rõ lý do đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ, trong đó nêu rõ khả năng, thời hạn, nguồn trả nợ và kèm theo các hồ sơ, tài liệu chứng minh.

OCB xem xét, đánh giá phương án trả nợ của Bên Vay và các yếu tố khác mà OCB cho là cần thiết để quyết định:

- a) Đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho Bên Vay và Các Bên thỏa thuận (bằng văn bản hoặc một hình thức phù hợp khác) để xác định lịch trả nợ mới; hoặc
- b) Không đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Trong trường hợp này, Bên Vay phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thời hạn đã cam kết.

Lưu hành nội bộ

2. Đối với số dư nợ gốc đến hạn (bao gồm cả trường hợp thu hồi nợ trước hạn) sẽ bị chuyển sang nợ quá hạn khi:
- Bên Vay không thanh toán các khoản nợ gốc theo đúng thời hạn đã thỏa thuận và không được OCB chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ; hoặc
 - Bên Vay không thanh toán số nợ gốc theo đúng thời hạn OCB yêu cầu trong trường hợp Bên Vay phải trả nợ trước hạn.

OCB thực hiện gửi thông báo cho Bên Vay về việc chuyển nợ quá hạn, gồm các nội dung tối thiểu: số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn và các nội dung khác mà OCB cho là cần thiết. Thời điểm chuyển nợ quá hạn để áp dụng lãi suất quá hạn do OCB ấn định khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại Điểm a, Điểm b của Khoản này và không phụ thuộc vào việc Bên Vay đã nhận thông báo chuyển nợ quá hạn từ OCB hay chưa.

Điều 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA OCB

- Cung cấp cho Bên Vay đầy đủ các thông tin liên quan đến khoản vay trước khi xác lập thỏa thuận cho vay.
- Trong suốt thời hạn vay, OCB có quyền yêu cầu Bên Vay báo cáo, cung cấp các hồ sơ, tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay đúng mục đích và định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, việc sử dụng vốn vay, trả nợ, tình hình sản xuất, kinh doanh của Bên Vay và các vấn đề khác có liên quan đến các khoản vay. Bên Vay có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để OCB thực hiện việc kiểm tra, giám sát này.
- OCB được quyền thực hiện mua bán nợ, được quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ của OCB phát sinh từ Hợp Đồng này cho Bên Thứ Ba mà không cần phải có sự chấp thuận của Bên Vay.
- OCB có quyền tự mình hoặc chuyển giao tất cả yêu cầu thanh toán và các khoản nợ cũng như thông tin về các khoản nợ của Bên Vay cho Bên Thứ Ba để thu các khoản nợ quá hạn mà Bên Vay chưa thanh toán.
- OCB có quyền sử dụng các biện pháp hợp pháp để thu các khoản nợ chưa được thanh toán từ Bên Vay, bao gồm cả việc thu hồi các tài sản mà Bên Vay đã sử dụng khoản vay để mua và/hoặc thực hiện các thủ tục tố tụng/trọng tài để xử lý các tài sản này.
- OCB được quyền yêu cầu Bên Vay bổ sung tài sản bảo đảm để đảm bảo cho nghĩa vụ của Bên Vay trong trường hợp Bên Vay vi phạm nghĩa vụ, cam kết với OCB theo Hợp Đồng này và xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.
- OCB có quyền (không phải nghĩa vụ) xem xét quyết định chấp nhận hay không chấp nhận việc tổ chức, cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Bên Vay trên cơ sở bảo đảm các điều kiện theo quy định của OCB trong từng thời kỳ.**
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng này và quy định pháp luật.

Điều 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN VAY

Lưu hành nội bộ

1. Được vay vốn theo các nội dung đã thỏa thuận tại Hợp Đồng này.
2. Bên Vay có nghĩa vụ phải sử dụng vốn vay đúng mục đích vay và chịu trách nhiệm trước OCB, trước pháp luật về việc sử dụng vốn vay của mình.
3. Bên Vay cam kết, tại thời điểm ký Hợp Đồng này, Bên Vay không có bất kỳ khoản nợ xấu nào tại các tổ chức tín dụng.
4. Bên Vay có trách nhiệm và nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, trung thực, chính xác các thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến khoản vay và phối hợp để OCB thực hiện thẩm định và quyết định cho vay, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của Bên Vay. Đồng thời, Bên Vay cam kết tất cả những thông tin, tài liệu đã cung cấp cho OCB là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu đã cung cấp.
5. Trả đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ (nợ gốc, lãi, phí, khoản phạt, bồi thường thiệt hại và các chi phí khác liên quan); trả nợ trước hạn đối với một phần hoặc toàn bộ dư nợ theo yêu cầu của OCB nếu phát sinh các trường hợp quy định tại Điều 8 của Điều Khoản Và Điều Kiện Giao Dịch Chung.
6. Bên Vay chịu trách nhiệm thanh toán phí thu hộ, phí chuyển tiền (khi được giải ngân qua tài khoản), các loại chi phí khác (nếu có) theo quy định của cơ quan nhà nước, của OCB ban hành từng thời kỳ, được công bố công khai trên website của OCB.
7. Bên Vay phải thông báo, cập nhật cho OCB ngay khi có bất kỳ thay đổi thông tin nào của Bên Vay so với thông tin đã cung cấp cho OCB (bao gồm nhưng không giới hạn địa chỉ thường trú, địa chỉ sinh sống hiện tại, CMND/CCCD/Hộ chiếu, số điện thoại, email).
8. Bằng việc ký kết Hợp Đồng này, Bên Vay xác nhận và đồng ý cho OCB được tự động trích tiền từ sổ tiết kiệm/tài khoản thanh toán/hợp đồng tiền gửi của Bên Vay tại OCB và/hoặc OCB được quyền gửi thông báo yêu cầu Tổ chức mở/phát hành, trích/tắt toán số dư sổ tiết kiệm/tài khoản thanh toán/hợp đồng tiền gửi của Bên Vay để thu hồi nợ.
9. Nếu Bên Vay vi phạm các cam kết, thỏa thuận với OCB, ngay khi OCB yêu cầu, Bên Vay phải đưa tài sản thuộc sở hữu của mình hoặc của Bên Thứ Ba vào thế chấp, cầm cố (hoặc phương thức bảo đảm khác) cho OCB nhằm đảm bảo cho nghĩa vụ hoàn trả nợ vay của Bên Vay tại OCB. Trong trường hợp này, Bên Vay có trách nhiệm phối hợp với OCB để thực hiện đăng ký biện pháp đảm bảo theo quy định của pháp luật và quy định của OCB. Đồng thời, Bên Vay đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang cho OCB được toàn quyền xử lý (hoặc chỉ định Bên Thứ Ba xử lý) bất kỳ tài sản nào thuộc sở hữu của Bên Vay trong trường hợp OCB thu hồi nợ vay (bao gồm cả thu hồi nợ trước hạn).
10. Bên Vay không được chuyển nhượng hay chuyển giao Hợp Đồng này cho bất kỳ Bên Thứ Ba nào khác nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của OCB.
11. Trường hợp Bên Vay vi phạm nghĩa vụ, cam kết theo Hợp Đồng này thì phải chịu phạt vi phạm 08% giá trị nghĩa vụ bị vi phạm và bồi thường thiệt hại gây ra cho OCB theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Điều 2.3 Điều Khoản Và Điều Kiện Giao Dịch

Lưu hành nội bộ

Chung. Bên Vay có trách nhiệm phải thanh toán tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại cho OCB trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi OCB yêu cầu.

12. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng này và quy định pháp luật.

Điều 8. CHẤM DỨT CHO VAY, THU NỢ TRƯỚC HẠN

1. OCB được quyền quyết định ngưng cho vay **và/hoặc ngưng/tạm ngưng giải ngân và/hoặc chấm dứt cho vay và/hoặc thu hồi nợ trước hạn** đối với Bên Vay (**bao gồm các khoản vay đã ký Khế ước nhận nợ/Giấy nhận nợ trước ngày giải ngân**) khi phát sinh một hoặc một số sự kiện sau:
 - a) Bên Vay cung cấp thông tin không kịp thời hoặc sai sự thật;
 - b) Bên Vay sử dụng khoản tín dụng sai mục đích theo Hợp Đồng này;
 - c) Bên Vay chết, **bị tuyên bố chết, bị tuyên bố mất tích**, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi hoặc có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi hoặc bị tạm giam, tạm giữ, khởi tố/truy tố/xét xử về hình sự; **ly hôn, đang trong quá trình làm thủ tục ly hôn**;
 - d) Bên Vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp Đồng này;
 - e) Bên Vay có khoản tín dụng tại OCB và/hoặc tại tổ chức tín dụng khác bị chuyển sang nợ xấu;
 - f) Bên Vay vi phạm bất kỳ thoả thuận nào trong Hợp Đồng này, các văn bản, thoả thuận, cam kết liên quan khác với OCB và/hoặc quy định pháp luật;
 - g) Khi xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng tới khả năng trả nợ của Bên Vay hoặc ảnh hưởng đến khả năng thanh khoản của hệ thống ngân hàng, theo đánh giá của OCB mà không cần phải chứng minh với Bên Vay.
 - h) OCB bị giới hạn/hết hạn mức tín dụng để giải ngân vốn vay;
 - i) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hoặc theo quy định tại Hợp Đồng này.
2. OCB thực hiện thông báo về thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời gian hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, **thời điểm chuyển nợ quá hạn**.

Điều 9. THỎA THUẬN KHÁC

1. Tất cả các văn bản, thông báo của Các Bên trong quá trình thực hiện giao dịch, giải quyết tranh chấp được gửi theo địa chỉ, thông tin liên hệ nêu trong Hợp Đồng này (hoặc theo địa chỉ, thông tin liên hệ khác được thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại), Bên Vay có trách nhiệm thông báo cho OCB địa chỉ mới ngay khi có phát sinh sự thay đổi. OCB không chịu trách nhiệm trong trường hợp Bên Vay thay đổi thông tin dẫn đến việc không nhận được các thông báo của OCB.
2. Mọi thông báo, thông tin trao đổi liên quan đến khoản cấp tín dụng theo Hợp Đồng này, Các

Lưu hành nội bộ

Bên gửi đến cho nhau theo một trong các phương thức dưới đây:

- a) Gửi trực tiếp và có ký nhận của mỗi Bên/đại diện của mỗi Bên;
- b) Gửi qua bưu điện hoặc qua đơn vị cung cấp dịch vụ chuyển phát đến địa chỉ của mỗi bên;
- c) Gửi qua email được cung cấp hoặc chỉ định của mỗi Bên;
- d) OCB gửi tin nhắn SMS đến số điện thoại của Bên Vay;
- e) Gửi qua fax, phương tiện điện tử khác theo thỏa thuận giữa Các Bên.

Mọi văn bản, tài liệu, thông báo được xem là đã nhận sau khi được gửi hoàn tất theo một trong các phương thức nêu tại khoản 2 Điều này hoặc được OCB thông báo trên website của OCB, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- 3. Trường hợp Bên Vay thay đổi số điện thoại, địa chỉ mà không thông báo cho OCB thì được xem là Bên Vay cố tình che giấu thông tin liên lạc, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Trong trường hợp này, OCB được xem là đã hoàn thành việc gửi và Bên Vay được xem là đã nhận được thông báo khi tin nhắn SMS được OCB gửi đi thành công và/hoặc có báo phát thành công của đơn vị dịch vụ chuyển phát.
- 4. Trong trường hợp thông báo vì bất kỳ lý do nào đó có thể có một hoặc một vài thông tin bị lỗi và/hoặc sai sót, OCB bảo lưu quyền đính chính, chỉnh sửa lại thông tin đó bằng việc gửi một thông báo khác trong vòng 07 ngày làm việc sau đó.
- 5. Bên Vay đồng ý cho OCB sử dụng thông tin của Bên Vay và/hoặc cung cấp thông tin của Bên Vay cho Bên Thứ Ba để phục vụ cho mục đích thẩm định, phê duyệt tín dụng, phục vụ công tác quản lý khoản vay, thu hồi nợ, cải tiến chất lượng dịch vụ của OCB và/hoặc cung cấp thông tin cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Bên Vay theo đây cho phép những thông tin nói trên có thể được sử dụng, mã hóa, xử lý, truyền tải và lưu trữ bởi OCB và công ty quản lý, các chi nhánh, công ty con, công ty liên kết và các công ty thành viên khác của OCB (bất kể trong hay ngoài lãnh thổ Việt Nam) và/hoặc được trao đổi với tất cả các bên mà OCB thấy cần thiết trong phạm vi pháp luật cho phép. Bên Vay hoàn toàn chấp thuận đối với những hành động đó và tuyên bố rằng OCB không cần thiết hay bắt buộc phải có một sự chấp thuận nào khác của Bên Vay thêm nữa.

- 6. Bên Vay đồng ý để OCB có quyền thẩm định thông tin của Bên Vay bằng việc xác minh thực tế, trực tiếp và/hoặc bằng các phương thức và nguồn thông tin độc lập khác như Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam, (các) công ty thông tin tín dụng, dữ liệu định danh cá nhân được xác thực bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, dữ liệu điện tử hoặc gọi điện trực tiếp đến nhà/người thân/nơi làm việc của Bên Vay.

Bên vay đồng ý cho cơ quan, tổ chức nơi Bên Vay đang làm việc được cung cấp thông tin của Bên Vay cho OCB. Trong trường hợp Bên Vay nghỉ việc hoặc chuyển công tác hoặc vi phạm Hợp Đồng này với OCB, Bên Vay đồng ý cho cơ quan, tổ chức nơi Bên Vay đang/đã làm việc chuyển toàn bộ tiền lương, trợ cấp thôi việc và toàn bộ các khoản tiền được hưởng

Lưu hành nội bộ

khác về OCB để phục vụ công tác thu hồi/xử lý nợ vay/ thực hiện các nghĩa vụ khác của Bên Vay phát sinh tại OCB.

7. Hợp Đồng này được xác lập, điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Hợp Đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.
8. Các Bên thống nhất, trong trường hợp có tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này, một bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài thương mại giải quyết. Cơ quan nhận được đơn khởi kiện đầu tiên là cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Trong trường hợp giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài, Các Bên thống nhất thỏa thuận lựa chọn Trung tâm trọng tài Thương mại Phía Nam (STAC) làm cơ quan giải quyết tranh chấp, với thủ tục tố tụng trọng tài được thực hiện theo thủ tục rút gọn quy định trong Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm này; Số lượng trọng tài viên là 01 (Một) do Chủ tịch Trung tâm chỉ định; Ngôn ngữ trọng tài là Tiếng Việt.

Bên thua kiện có nghĩa vụ thanh toán mọi chi phí liên quan đến vụ án, bao gồm các khoản án phí, lệ phí, chi phí tố tụng, thi hành án.

9. Trường hợp OCB khởi kiện Bên Vay để giải quyết tranh chấp, Các Bên thống nhất rằng địa chỉ của Bên Vay là địa chỉ nêu tại Hợp Đồng này. Nếu Bên Vay thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho OCB bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin không trung thực thì được xem là Bên Vay cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ và OCB có quyền yêu cầu cơ quan giải quyết tranh chấp thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Bên Vay chấp nhận việc cơ quan giải quyết tranh chấp xét xử vắng mặt Bên Vay và chịu mọi trách nhiệm liên quan, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Bên Vay.
10. Việc Bên Vay ký xác nhận Hợp Đồng này đồng nghĩa với việc Bên Vay xác nhận đã được OCB cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến khoản vay, đồng thời Bên Vay đã đọc, hiểu và đồng ý toàn bộ nội dung của Hợp Đồng này, bao gồm cả Điều Khoản Và Điều Kiện Giao Dịch Chung khi vay vốn tại OCB.
11. Nếu bất kỳ điều khoản nào trong Hợp Đồng này không hợp pháp hay không có hiệu lực thì cũng sẽ không ảnh hưởng đến việc tiếp tục thực hiện những điều khoản còn lại trong Hợp Đồng. Đồng thời, Các Bên sẽ thỏa thuận để thay thế một phần hoặc toàn bộ điều khoản không hợp pháp hay không có hiệu lực đó bằng nội dung khác phù hợp quy định pháp luật và mục đích Hợp Đồng này.
12. Bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung nào của Hợp Đồng này phải được lập thành văn bản và được xem như là một phần không tách rời của Hợp Đồng và sẽ là một hợp đồng toàn bộ và cuối cùng của Các Bên, và sẽ thay thế toàn bộ các cam kết, thỏa thuận bằng miệng hoặc bằng văn bản trước đây của Các Bên liên quan đến cùng một vấn đề của Hợp Đồng.
13. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên Vay hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, các nghĩa vụ khác cho OCB theo quy định của Hợp Đồng này và các cam kết, thỏa thuận khác mà Bên Vay đã ký với OCB.

Lưu hành nội bộ

14. Hợp Đồng này được lập thành..... (0.....bản, OCB giữ.....(0.....) bản, Bên Vay giữ (0.....) bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN OCB

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BÊN VAY*Bên Vay đã đọc, hiểu và đồng ý tất cả nội dung*

(Ký, ghi rõ họ tên)

MẪU BIỂU 03**BẢNG KÊ CÁC LOẠI HÀNG HÓA MUA**

....., ngày tháng năm

Họ và tên Khách hàng vay vốn:.....

CMND/ CCCD/Hộ chiếu số: Cấp ngày/...../.....

Thông tin các loại hàng hóa mua như sau:

Stt	Tên mặt hàng mua	Đơn vị tính	Số lượng	Thành tiền	Thông tin người bán (tên, địa chỉ)
1					
2					
3					
4					
5					
...					
...					

Lưu hành nội bộ

...					
...					
Tổng cộng:					

Bằng chữ:

Tôi xin cam kết những thông tin kê khai trên đây là đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin kê khai.

NGƯỜI LẬP

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu hành nội bộ